

## Khuôn trăng đầy đặn nét *người* nở nang

Nguyễn Nguyên

Câu chuyện “nét người nở nang” bắt đầu qua chuyến viễn du miệt dưới của maestro Phạm Duy trong khoảng thượng tuần tháng 9 năm nay. Đầu tháng Chín là khởi điểm của mùa Xuân ở Nam Bán Cầu. Người ta thích ra ngoài, đi hí viện, xem ca nhạc kịch, xem chớp bóng, đi ăn uống, hơn lúc những tháng trước của mùa Đông lạnh lẽo.

Chuyến đi “nhìn lại quảng đời” đã qua của Phạm Duy cũng là dịp giới thiệu nhạc Kiều - người nhạc sĩ lão thành đã dày công sáng tác trong những năm gần đây. Rất tiếc người viết tự nhiên quên bẵng đi một cơ hội hiếm có và chỉ biết được sau khi phái đoàn du ca của Phạm Duy đã rời Sydney đến trình diễn ở Melbourne. Biết được qua i-meo của một ông Anh đồng môn (Senior Lê Quý) qua diễn đàn mitchong trên mạng internet. Đại khái anh Lê viết trên mitchong anh ấy hơi thất vọng vì buổi ca nhạc đó đã bỏ sót rất nhiều bản nhạc “tiền chiến” của Phạm Duy.

Senior Lê - một trong những người mê say truyện Kiều rất nồng nhiệt ở miệt dưới - cũng bày tỏ sự sốt sắng khi anh nghe một nữ sĩ ngâm câu thơ quen thuộc của Tiên Điền Nguyễn Du mô tả vẻ đẹp của Thúy Vân:

Mai cốt cách, tuyệt tinh thần  
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười  
Vân xem trang trọng khác vời  
Khuôn trăng đầy đặn nét *người* nở nang

‘*Nét người* nở nang’ thay vì “*nét ngài* nở nang’. Và anh hứa mai một anh sẽ biên i-meo cho maestro Phạm Duy nhắc nhở maestro nhớ sửa chữa “nét người” trở lại thành “nét ngài” cho nó đúng. Đúng với những gì chúng ta đã được đọc, học được trong suốt quảng đời đã qua. Người viết tự thú không thích Kiều bằng Chinh Phụ Ngâm, và thường không để ý đến những cuộc tranh cãi về Kiều. Mặc dù đã đọc qua vài vụ ‘bút chiến’ nhất là cuộc ‘xung đột’ vào thời tiền chiến (1924) giữa Ngô Đức Kế và Phạm Quỳnh, rồi những đả kích gs Nguyễn Văn Trung hồi những năm đầu thập niên 1970, sau khi ông Trung cho một buổi nói chuyện về cuộc xung đột giữa Ngô và Phạm [1]. Và mặc dù cũng có đọc qua vài ba quyển sách về Chữ Nôm và vài trang Kiều viết bằng chữ Nôm đầy đó, với sự hỗ trợ của một hai quyển tự điển chữ Nôm.

Thế nhưng, người viết không hiểu vì sao – có thể trong trí nhớ mơ hồ đã đọc ở đâu đó - lập tức viết vài dòng i-meo nhắn với senior Lê: có thể từ *Người* ngày xưa ở nước An-Nam được đọc là *Ngài*. Do đó “*nét ngài nở nang*” chính ra Nguyễn Du có thể mang ý: “*nét người nở nang*” y như Phạm Duy đã táo bạo ‘cải cách’. Trong khi “nét ngài nở nang” đã được hàng ngàn các sách vở giải thích rằng “nét lông mày / nét ngamy ... nở nang”, “nét người nở nang” có thể được hiểu “thân hình đẹp / dáng người nở nang, ... có da có thịt’ và dịch nôm na sang tiếng Anh “beautiful body”. Rất dễ hiểu, có thể được chấp nhận ở cú pháp, ở văn phạm, ở văn vân, với điều kiện ... Nếu. Nếu ‘ngài’ chính là từ dùng để chỉ ‘người’ ngày xưa, và nếu ... ‘ngài’ mang nghĩa ‘người’ đặt để vào chỗ đó hợp tình, hợp lý, hợp nghĩa, hợp cách mô tả ‘nôm na’ của những nhà thi văn ngày xưa.

Thế rồi anh Lê liên lạc i-meo với Bồ Già, và Phạm nhạc sư đã nhanh chóng hồi âm, xác nhận những điểm sau:

- Ca sĩ đã **không** hát lầm “nét ngài” ra ‘nét người’.
- Phạm Duy cũng không giống như những người yêu truyện Kiều, thường ưa ngoan ngoãn phổ những câu thơ tuyệt vời của Nguyễn Du mà không có ý kiến riêng của mình.
- Theo Phạm Duy, nếu chấp nhận ‘nét ngài’ như mọi người từng quen thuộc, Nguyễn Du đã tả lông mi của Thúy Vân vừa to vừa dài như hàng lông mi giả của các mỹ nữ ngày nay.
- Ngoài ra, Phạm Duy cho biết người gốc Nghệ Tĩnh (như Nguyễn Du) thường đọc chữ ‘người’ là ‘ngài’. Ở đó có câu châm ngôn: *tốt con ngài hơn dài tám áo...*
- Thêm vào đó, nhà nhạc sĩ lão thành cho biết trong một chuyến du lịch Trung Quốc, khi tới thăm hồ tắm Dương Quý Phi, ông đã được thấy pho tượng của Dương Quý Phi có vóc dáng của một người hết sức nở nang ... Và từ đó nhạc sư suy luận có thể vì ngày xưa, theo con mắt mỹ thuật, người đàn bà đẹp phải là người đàn bà có da có thịt, đầy đặn, ... và có thể hơi béo so với tiêu chuẩn ngày nay.
- Dựa vào những nhận xét kể trên, và qua một dịp nhận định về Truyện Kiều cùng với nhà văn Vũ Hạnh, Phạm Duy, trong lúc phổ Nhạc Kiều, đã cố tình sửa hai câu lục bát giới thiệu Thúy Vân, thành ra:  
Vân xem trang trọng khác vời  
Khuôn trăng đầy đặn **nét người** nở nang

Câu chuyện của bài viết này bắt đầu ở chỗ đó. Ở chỗ ‘nét người’ được ‘táo bạo’ dùng thay cho ‘nét ngài’.

Nhưng trước hết, xin mạn phép tường trình, một phần nào đó của bài này chính là thành quả tốt đẹp của một thí nghiệm mới. Một thí nghiệm trên internet. Cũng như bài ‘Da trắng vỗ bì bạch’ trước đây khoảng một năm, việc xử dụng ý kiến trao đổi trên mạng - giữa một nhóm bạn bè thân thuộc – đã gợi ý người viết nhìn thêm vào các khía cạnh khác của vấn đề, thông thường rất có thể dễ quên sót. So với ‘Da trắng vỗ bì bạch’, ý kiến trao đổi về đề tài ‘nét ngài’ có vẻ ‘găng hơn’ và khó hơn. Găng hơn vì nó liên hệ kho tàng văn hoá của truyện ‘Đoạn Trường Tân Thanh’, liên hệ đến chữ Nho, chữ Nôm, chữ quốc ngữ, đến vấn đề chữ nghĩa, vân vân. Dễ lồi cuốn nhiều người nhảy vào ... vòng chiến. Khó hơn vì điểm cốt lõi của vấn đề ‘nét người’ có thể được phô trương, thể hiện qua hai khía cạnh, đều khó ngang nhau.

- (i) Nguyễn Du đã viết ‘Ngài’ ra sao? Có phải viết như ‘Người’ trong tương đương ở chữ quốc ngữ không?
- (ii) Nếu đúng vậy, ‘nét người’ viết chung với nhau, rồi viết luôn ra ‘nét người nở nang’, có thật hợp lý hợp tình, và hợp nghĩa hay không. Hợp với cái ‘gu’, hay gần đúng với ý định của thi hào Nguyễn Du hay chăng.

Thoạt tiên nhiều người không muốn tham gia, viện dẫn lý do không biết gì về chữ Nôm. Nhưng rất may, có một hai người trong nhóm mitchong trên internet - tự nhận biết chút ít về Nôm na, Hán rộng kiêu quan thoại, và Nho chùm – kêu gọi anh chị em trong mạng hãy mạnh dạn tham gia. Bởi nói về thông thạo chữ Nôm, hiện nay trên thế giới, có thể đếm không quá 100 vị. Đa số những vị này đều đã về hưu, hoặc đã qua đi lứa tuổi tích cực nghiên cứu những vấn đề nhưc đầu về Nôm học. Ở mặt khác, những nhà nôm-na mới trên mạng Mitchong được hơn một lợi điểm. Họ là những nhà

internet guru, nói và viết được tiếng Việt, đã học và đọc qua truyện Kiều, và nhất là truy cập tài liệu trên mạng rất nhanh. Nhanh hơn các nhà Nôm-học chân chính gấp cả ngàn lần. Và họ có đầy mình . . . lòng yêu mến thi ca Việt Nam, và nhất là tinh thần khoa học Tây Phương.

Vấn đề *Ngài* hay *Người* trong ‘Khuôn trắng đầy đặn nét ngài nở nang’ khảo sát trong bài này – sẽ được phân tích trên những góc cạnh khác nhau, nhưng không nằm ngoài phạm trù hỗ tương liên hệ với nhau. Với kiến thức về Nôm và quốc ngữ trong thế kỷ 21, nhất là dựa trên những cuộc nghiên cứu mới về quốc ngữ, về tiếng Mường tại Việt Nam, người ta tự nhiên sẽ thấy vấn đề sẽ không còn giản đơn như thường thấy từ trước đến nay. Người đọc lẫn người viết đều trở nên khó tính, đều mong mỗi một cái gì mới lạ. Nhìn xuôi nhìn ngược. Và nếu được, phải tổng hợp giải quyết thoả đáng những điểm gút mắt của Nôm, quốc ngữ, Kiều và cũng đồng thời dựa vào chất xám của tinh thần khoa học phương Tây.

Trước hết xin sơ lược về nguyên ủy của hàng ngàn cuộc tranh cãi về truyện Kiều, cũng như về những sự bất đồng ý giữa nhiều nhà học giả về Kiều, về những áng thi văn bất hủ của tiền nhân viết bằng chữ Nôm rồi được chuyển ngữ sang chữ quốc ngữ, bắt đầu vào khoảng giữa đến cuối thế kỷ 19. Rồi sau đó thử xem có phải ngày xưa ‘người’ được phát âm như ‘ngài’ hay không. Và nếu vậy, ‘người’ thay thế cho ‘ngài’, đặt vào cụm từ ‘nét người nở nang’ có ổn chăng?

## 1. Thử tìm hiểu sơ lược về Chữ Nôm

Tiếng nói của người Việt trước khoảng thế kỷ thứ 18 (năm 1700-1800) chính là tiếng Nôm. Nôm nói trại từ NAM. Tiếng Nôm là tiếng của người nước Nam. Tiếng Nôm có phát âm gần giống *nhưng không giống y* như tiếng Việt ngày nay. Tiếng Nôm có chữ viết gọi Chữ Nôm.

Chữ Nôm và phát âm tiếng Nôm chính nó cũng biến chuyển qua nhiều thế kỷ. Cũng biến chuyển như tiếng Hán, hay bất cứ ngôn ngữ nào trên thế giới. Hiện nay các học giả Việt vẫn chưa xác nhận được chữ Nôm xuất hiện vào thời kỳ nào. Người ta chỉ biết chắc vài ba điểm quan trọng như sau:

- (i) Chữ Nôm xuất hiện sau khi nước Nam Việt bị nhà Hán xâm chiếm và đô hộ. Có lẽ xuất hiện trong khoảng từ thế kỷ thứ 3 đến thứ 8. Giả thuyết chữ Nôm ra đời ở thế kỷ thứ 3 cho rằng chữ Nôm do thái thú Sĩ Nhiếp sáng chế ra khi được nhà Hán bổ nhiệm sang cai trị nước Nam (187-226). Giả thuyết chữ Nôm xuất hiện ở thế kỷ thứ 8 nối liền chữ Nôm với danh xưng *Bố Cái Đại Vương* dành cho Phùng Hưng (năm 791). [Xem ghi chú [2]]
- (ii) Trước khi chữ Nôm xuất hiện, dân nước Nam có lối chữ viết thường gọi ‘chữ nòng nọc’ – bao gồm những nét nguẩy nguẩy giống hình con nòng nọc. Loại chữ này y như chữ người Mường còn giữ lại cho đến vài thế kỷ gần đây. Và có lẽ cùng gốc gác với thứ chữ viết của người Thái Lan. Trong các nhóm ngôn ngữ từ thời cổ đại của tất cả các khối dân tộc cư ngụ ở nước An-Nam, nhóm ngôn ngữ Việt-Mường là nhóm lớn nhất.
- (iii) Trong khi tiếng Nôm là tiếng nói của người nước Nam, số người biết đọc và biết viết chữ Nôm qua nhiều thế kỷ không bao giờ hơn quá 10 phần trăm của tổng dân số. Trong chốn quan trường, hành chánh và khoa bảng, chữ Hán qua cách phát âm gọi nôm-na là tiếng Hán Việt, mới là ngôn ngữ chính thức của cả nước Nam. Chữ Nôm qua nhiều thời đại lúc nào cũng mang địa vị của một

phó thường dân. Không được ‘điền chế’. Không chiếm được vị trí của một cơ viện. Nên chữ Nôm bị thả lỏng, một từ mang nhiều cách viết. Ai muốn viết kiểu nào thì viết! Chữ Nôm có ba đặc tính cơ bản. Thứ nhất bởi ở vị trí phó thường dân, Nôm thường bị các nhà Nho, nhà quan khinh thị. ‘Nôm na là cha mách què’ là câu nói tiêu biểu cho việc hạ cấp chữ Nôm đó. Cũng ở lý do này, rất nhiều nhà Nho sáng tác những bản thi văn chữ Nôm rất hay nhưng thường lại thích ẩn danh không để lộ tên thật. ‘Chinh Phụ Ngâm’ không biết do Đoàn Thị Điểm hay Phan Huy Ích phiên dịch từ chữ Hán sang Nôm, là một trường hợp điển hình. Hoặc có giả thuyết cho rằng Hồ Xuân Hương có thể chỉ một bút danh do nhiều nhà Nho phái nam thích sáng tác thơ tả chân nhưng không dám lộ diện bởi nó vừa nôm na vừa . . . tục nên gán cho một nữ sĩ mang tên Hồ Xuân Hương [1], [7]. Thứ hai, chữ Nôm có rất nhiều từ mang tính đồng âm dị nghĩa. Thí dụ: ‘ngài’ cùng một phát âm, nhưng mang rất nhiều nghĩa: nghĩa con tằm, nghĩa ‘ngài’ để xưng hô người có chức, . . . ‘Đàng’ mang nghĩa ‘hướng’, ‘vùng’ (đàng Trong / đàng Ngoài), mang nghĩa ‘Đường’ (lên đàng / lên đường). Đá có nghĩa ‘đá bằng chân’ và cũng mang nghĩa ‘Hòn đá’. Lôi thoi= từ rất cổ mang nghĩa ‘lê loi’ [8], rất dễ nhầm với ‘lôi thoi / léch théch’. Vài - phát âm cổ của Vời (tuyệt vời) – trùng âm: ‘một vài bông hoa’. Thứ ba, bởi không được triều đình nhìn nhận và hệ thống hoá, chữ Nôm mang đặc tính tai hại mạnh ai nấy viết. Một từ thông thường có ít lắm 3-4 cách viết khác nhau và có thể biến đổi theo thời đại, nhất là sau khi chữ quốc ngữ bắt đầu được thịnh hành và thay thế dần dần chữ Nôm.

- (iv) Bởi mang nhiều yếu điểm, và muôn phần phức tạp, chỉ trong vòng trên dưới 200 năm (từ khoảng 1651 đến 1850) chữ Nôm bị chữ quốc ngữ hoàn toàn thay thế. Điểm cần nhấn mạnh, trong quá trình chữ Nôm thay thế bằng quốc ngữ có rất nhiều từ phải biến đổi cách đọc - có lẽ để giải quyết cảnh đồng âm dị nghĩa đầy dẫy trong tiếng Nôm. Và cũng trong quá trình thay thế đó, theo thiên ý, có rất nhiều điểm biến chuyển, ngành ngôn ngữ học Việt Nam hiện vẫn chưa giải đáp thoả đáng. Sẽ trở lại vấn đề này ở phía dưới.
- (v) Một điểm khác cũng đáng để ý: Việc học hỏi chữ Nôm trong thế kỷ 20 vừa qua vẫn còn mang nặng tập tục ‘lão sư với đồ đệ’ như xưa. Thầy dạy sao học trò học y như vậy. Việc truyền tụng chữ Nôm trong khung cảnh riêng tư đó, thường thiếu thôn kiểm chứng, và lý luận theo tinh thần khoa học Tây Phương. Nhiều sai lầm được truyền tụng từ đời này sang đời kia – và những sai lầm đó vẫn được tưởng rằng chứa đầy tính xác thực. Thí dụ: Vũ mang nghĩa ‘lông chim’ phải được ký âm ‘Yũ’ mới đúng với cách viết, cách phát âm chữ Nôm, chữ Tàu. ‘Việt’ trong Việt Nam chắc chắn đã được tiền nhân đọc Yiệt - mới phù hợp với cách phát âm người Mường, người Quảng Đông, Bắc Kinh, Nhật Bản, và cách viết của chữ Nôm [11].

Chữ Nôm thông thường được viết bằng cách vay mượn một từ thẳng từ chữ Hán - hoặc phối hợp hai hoặc ba từ chữ Hán viết ‘chùm’ với nhau. THÍ DỤ:

Một Nôm mượn Một Hán:

- Vườn mượn từ Viên (Hán), xuất phát từ Yuan của quan thoại
- Mùa từ Vụ (Hán)
- Chim từ Zhâm (Hán, viết theo quốc ngữ: Trâm)
- Chè từ Chà (Hán, theo quốc ngữ: Trà)
- Tim mượn từ chữ viết Tầm (Hán)
- Đánh vay từ Đả

- Việc vay từ Yịch
- Bán (bán buôn) vay từ Bán (phân nửa)
- Và vay từ Ba
- Là viết tắt từ Hán tự ‘La’

Một Nôm mượn hai Hán tự viết chùm với nhau:

- Tháng= Nguyệt + Thượng (Nguyệt tiếng Hán chỉ tháng, trăng + Thượng (thặng) dùng để mượn âm / xin xem phía sau: Thượng ngày trước đọc Thặng hay Shang)
- Bốn= Tứ + Bồn (Bản: gốc)
- Voi= Khuyển + Uy (mượn âm) / tiếng Mường= Woi
- Chó= Khuyển + Chú (âm quốc ngữ: Trú)
- Trăng= Ba + Lãng (ngày trước đọc: Blãng)
- Trái= Ba + Lại (ngày xưa: Blái)
- Trăm (100)= Khâu + Lâm (xưa: Klăm)
- Năm (5)= Nam + Ngũ (5)
- Năm (year)= Nam + Niên
- Vua= Bó + Vương = Bó + Tư (ngày trước đọc: Bua)
- Ngài (con ngài)= Trùng (chỉ loài côn trùng) + ½ Ngại

Từ nào của chữ Nôm thường có ít lắm 3 lối viết khác nhau:

- Nét= giả tá từ chữ Niết = Thổ + Niết = Khẩu + Niết {ghi chú [5]}
- Nang= Âm Hán của NaN = Hoả + Nan
- Nở= Thảo + Nữ = Khẩu + Thảo + Nữ
- Đây= giả tá âm Đài = Thủy + Đài = Sung + Đài = Thủ + Đài = Mãn + Đài
- Đăn= mượn âm của Đạn = Doanh + Đạn

## 2. Truyện Kiều và chữ Nôm

Khi thẩm định vị trí của chữ Nôm trong văn hoá nước Nam, hầu hết các Nôm gia đều đồng ý với nhau rằng:

- Chữ Nôm quá phức tạp và lâm vào tình cảnh hỗn độn tạp pín lù. Thiếu thốn điển chế, và không đến được với đa số quần chúng. Mặc dù tiếng nói của dân gian từ ngàn xưa vẫn là tiếng Nôm.*
- Thế nhưng, nhờ ở chữ Nôm, các nhà Nho đã có phương tiện để sáng tác và ghi lại các tác phẩm thi ca bất hủ, gây dựng nên kho tàng văn hoá dân tộc - tồn tại mãi đến ngày nay.*

Truyện Kiều và hàng trăm tác phẩm thi ca khác như Chinh Phụ Ngâm, Bích Câu Kỳ Ngộ, Lục Súc Tranh Công, Lục Vân Tiên, cùng những bài thơ của Lê Thánh Tôn, Bà Huyện Thanh Quan, Trần Tế Xương, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, v.v. đều được ghi lại và để đời bằng chữ Nôm.

Tuy nhiên, cũng bởi ở mặc cảm ‘nôm na là cha mách qué’ rất ít khi những bài thơ phú của các thi hào ngày xưa được ghi lại đàng hoàng và in ấn trong lúc tác giả còn sống. Trước hết những tác phẩm đó được truyền tụng qua dân gian. Đầu tiên, chắc chắn qua những bạn bè họ hàng thân thuộc. Bởi tác giả lúc nào cũng ở trong trạng thái . . . nôm nóp dè dặt, do ở việc chữ Nôm bị dán vào một nhãn hiệu tâm thường, lô-can! Nếu thấy hay, tác phẩm sẽ được truyền rộng hơn, và xa hơn. Đến lúc tác phẩm được hàng ngàn hay hàng triệu người biết đến, qua truyền khẩu, một hoặc vài vị Nho gia sẽ bỏ

công nhớ và ghi chép lại ‘toàn bộ’ tác phẩm đó. Một vài tác phẩm sẽ được in ấn thêm chừng vài trăm bản. In bằng những bản khắc bằng gỗ, khó giữ được lâu.

Người ta sẽ dễ dàng suy luận ra những điểm đặc trưng sau đây của các ấn bản chữ Nôm *nguyên thủy* đó:

- (i) Trước hết, ở thời thế kỷ 18-19 dân chúng chưa có nhiều phương tiện giải trí. Chưa có sách vở, báo chí, radio, chớp bóng, ca kịch, Tivi và internet. Giải trí thông thường và duy nhất có lẽ việc truyền miệng, việc kể chuyện, việc ngâm nga cho nhau những truyện cổ tích, những bài thơ, chuyện thơ hay ho.
- (ii) Những *di cao* viết bằng chữ Nôm chỉ xuất hiện sau khi tác phẩm được truyền kể, lan tràn mạnh mẽ trong chốn dân gian. Thông thường ít lắm cũng vài chục năm sau khi chính tác giả đã qua đời.
- (iii) Những bản này sẽ không bao giờ giống y như bản gốc do chính tác giả ngâm nga và sáng tác ra. Nó sẽ mang ảnh hưởng của sức lan truyền đến khu vực địa phương mà chính người ghi chú đang sinh sống. (Thí dụ Lục Vân Tiên có vài ‘ghi bản’ sai biệt nhau đến hàng trăm chữ và vài chục vế).
- (iv) Điểm phức tạp hình như chưa được học giả nào nghiên cứu sâu rộng: Lúc tác giả bắt đầu sáng tác áng thi văn chữ Nôm, chữ quốc ngữ chưa phát triển. Đến lúc có người bắt đầu ghi lại áng thi văn đó bằng chữ Nôm, chữ quốc ngữ đã thay thế chữ Nôm. Và chữ quốc ngữ đã vô hình chung biến đổi một số khá nhiều cách phát âm của các từ Nôm ngày trước. Có khi rất nhiều người hiệu đính, hoặc ghi lại các bản chữ Nôm đầu tiên, đã được học chữ Nôm bằng chữ quốc ngữ - nhất là từ khoảng năm 1850 trở về sau. Như vậy thứ chữ Nôm người đời sau ghi lại – ít lắm chừng năm bảy chục năm sau khi chính tác giả đã qua đời như trường hợp truyện Kiều, nếu không nói hàng trăm năm nếu kể đến những áng văn cô như Úc Trai Thi Tập – so với thứ chữ Nôm tác giả đã dùng trong lúc sáng tác, có thể khác nhau rất nhiều.

Nếu nhớ lại ngày xưa người ta thường nói ‘tam sao thất bản’ (chỉ cần sao chép lại chừng 3 lần nguyên bản đã bị biến đổi rồi) – ta có thể thấy rất rõ việc ghi lại chữ Nôm các bản thi ca cổ xưa, như truyện Kiều chẳng hạn, là chuyện ‘tam thiên sao thất bản’. Tức ghi chép lại một tác phẩm đã từng truyền khẩu qua ít lắm cũng trên 3 ngàn người. Thí dụ điển hình nhất phải kể Lục Vân Tiên của Đồ Chiểu. Khi sáng tác Lục Vân Tiên, Đồ Chiểu đã lâm cảnh mù loà. Ông chỉ ngâm nga và đọc cho đám đồ đệ chép lại. Ngay công chuyện đó, cũng có thể hôm nay Nguyễn Đình Chiểu ngâm thế này, ngày mai ông có thể ngâm cách khác. Rồi mỗi người đồ đệ đi truyền lại cho nhiều người khác - truyền mãi cho đến vài mươi năm sau người ta thấy xuất hiện hai ba bản nổi tiếng của những học giả không phải đồ đệ, hay họ hàng gì với Đồ Chiểu hết. Bản thứ nhất của Abel des Michels, bản thứ hai của Petrus Trương Vĩnh Ký (1883) và bản thứ ba của Duy Minh Thị. Bản Abel des Michels có tất cả 2088 vế và bản Petrus Ký, 2076 vế!

Còn truyện Kiều thì sao? Theo nhiều tài liệu, ngoài những bản ra đời vào giữa thế kỷ 20, truyện Kiều có tất cả 5 bản chữ Nôm khác nhau: (i) bản của Phạm Quý Thích - bạn thân của Nguyễn Du - sửa đổi và hiệu đính ‘bản gốc’ của Tiên Điền, thường được gọi bản Phường, thất lạc từ lâu; (ii) bản của Quán văn Đường và bản của Phúc văn Đường, dựa vào bản Phường; (iii) bản Kinh do gia đình của Nguyễn Du gởi vào Kinh – sau đó vua Tự Đức và nhóm triều thần đã ‘hiệu đính’; (iv) bản của Duy Minh Thị

(1872) - tức xuất hiện 52 năm sau khi Nguyễn Du qua đời (1820); Và (v) bản của Kiều Oánh Mậu (1902).

Trong 5 bản chữ Nôm xưa cổ đó, tuyệt nhiên không có bản nào được gọi bản gốc do chính Nguyễn Du đề bút hết! Bản gần với bản gốc nhất chính là bản đã được Phạm Quý Thích sửa chữa và tuyệt tích giang hồ từ nhiều, nhiều năm. Chưa học giả nào ở thế kỷ 20 đã từng đọc qua nó hết. Tức không bao giờ người ta có thể xác nhận đoạn này hay về này Nguyễn Du ‘chắc chắn’ viết thế này viết thế kia. Tất cả những thảo luận về Kiều ngay trong chính bản viết bằng chữ Nôm, và hoàn toàn chưa kể đến các bản quốc ngữ, có thể nói mang nhiều hình thức khoa bảng, ‘mua vui cũng được một vài trống canh’ mà thôi.

### 3. Truyện Kiều và chữ quốc ngữ

Chữ quốc ngữ, ngày nay thường gọi Việt ngữ hay tiếng Việt, đầu tiên được các giáo sĩ người Âu Châu, nhất là Bồ Đào Nha, đặt ra để ký âm tiếng Nôm bằng các mẫu tự La Tinh (tức alphabet hay A, B, C). Mục đích chính ban đầu là để truyền giáo, giảng đạo. Nó xuất hiện từ lúc nước Nam còn ở thời Trịnh Nguyễn phân tranh. Quyển tự điển quốc ngữ đầu tiên, do giáo sĩ thuộc dòng Tên Alexandre de Rhodes soạn, được ra đời vào năm 1651 – chính là quyển tự điển AnNam-Bồ-LaTinh. Sau đó chữ quốc ngữ được nhiều giáo sĩ và học giả uyên bác tiếp tục phát triển [8], và chuỗi trình quốc ngữ thay thế chữ Nôm được xem như hoàn tất vào khoảng năm 1865 khi tờ Gia Định Báo xuất hiện ở Nam Kỳ. Huỳnh Ái Tông qua website của Đồi Tỵ Nạn [8] đã cho một sơ lược về lịch sử thành lập chữ quốc ngữ.

Những điểm đặc trưng sau đây của chữ quốc ngữ chúng ta cần biết đến trước khi phân tích về ‘nét ngài nở nang’:

- (i) Tuy mang tiếng ký âm tiếng Nôm nhưng chữ quốc ngữ có rất nhiều phát âm hoàn toàn không giống phát âm ngày xưa của chữ Nôm. Thí dụ:
  - Vua: trước thời quốc ngữ hoàn chỉnh, đọc Bua (hay byua) – y như tự điển tiếng Mường [10] / và như tự điển năm 1651 của Alexandre de Rhodes.
  - Vương (như Vương Thúy Kiều) = đọc là Uuan, tức Wang, y hệt như pinyin tiếng quan thoại ngày nay. Như trong thư của Alexandre de Rhodes viết khoảng năm 1644 [8].
  - Về (đi về): đọc Wia [11] (V thay cho W)
  - Thượng đế= đọc Xán Tí [8], gần giống với quan thoại Shang Tí
  - Đông= đọc Tung, y như phiên âm Wade-Giles: Mao Tse Tung (Mao Trạch Đông)
  - Trẻ= tlẽ [8] (quốc ngữ đã cho TR thay thế TL)
  - Tre= Tle [8] (TR thay TL)
  - Vui= Bui hoặc Bôi [11] {V thay cho B}
  - Văn= đọc Uuan [8] (tức Wan như quan thoại, V thay cho W)
  - Vũ (vũ khí)= đọc Uu (giống Hán ngữ: Wu)

Ở khía cạnh này ta có thể kiểm chứng qua bất cứ tự điển chữ Nôm nào. Tức những cách phát âm do đánh vần quốc ngữ vào thời thế kỷ 17-18 đều có lối đánh vần tương đương ở chữ Nôm.

Thí dụ: Vui = xưa đọc Bôi hay Bui / tự điển chữ Nôm viết Vui= **B**ôi + Tâm

Trẻ= quốc ngữ cổ viết Tlẽ / tự điển Nôm viết Trẻ= Lẽ + Tiểu (vần T + Lẽ)

Văn= quốc ngữ cổ Uuan / tự điển Nôm: Văn= Wen theo âm Hán Ngữ

Điểm quan trọng này người ta ít thấy các nhà nghiên cứu Việt Nam đề cập đến. Có lẽ bởi những nhà nghiên cứu Việt Nam khi tìm tòi khảo cứu chữ Nôm và quốc ngữ cổ đều dựa đơn thuần trên Việt ngữ hiện đại và . . . tiếng Hán Việt. Và có lẽ thường không để ý rằng tiếng Hán Việt cũng lại là một dạng của Việt ngữ ngày nay. Chữ quốc ngữ biến đổi ra sao thì tiếng Hán Việt thay đổi rập khuôn như vậy! Tìm hiểu phát âm chữ Nôm hoặc quốc ngữ cổ xuyên qua Việt ngữ hiện đại hoặc Hán Việt của thế kỷ 20 chắc chắn không khỏi vướng phải nhầm lẫn.

Cũng ở biến đổi phát âm, ta để ý cho dù các tác giả quốc ngữ tạo đánh vần xa hơn cách chữ Nôm, nhưng nếu đối chiếu với quan thoại, cách phát âm tại Việt Nam theo từng khu vẫn giữ như xưa. Đây cũng là một điểm quan trọng các nhà ngữ học Việt Nam – có lẽ gần như dưới định kiến Hán Việt phải khác tiếng Tàu – đã thường nhanh chóng lướt qua. Thí dụ: Lưu: người phía Nam phát âm LƯU là LuU hay LƯu / nhưng người phía Bắc phát âm LIU giống y như tiếng quan thoại: Liu (họ Lưu). Ưu tiên= phía Nam đọc Ưu tiên / nhưng phía Bắc: Iu tiên. Iu rất gần với yIU của phát âm Quảng Đông. (Góp ý của PQ Tuấn thuộc diễn đàn mitchong {mc}). TRung quốc: phía Nam, thường phát âm TR theo kiểu tiếng Tây / nhưng người phía Bắc lại đọc như Tzchung quốc, gần với quan thoại ‘Zhong guo’ hơn. Trang Tử, phía Bắc đọc gần với quan thoại Zhang Zi hơn. ‘Viết lách’: phía Bắc phát âm đơn thuần V như Tây phương / phía Nam đọc ‘byiết’ gần với quan thoại và quảng đông hơn: Yué và Yuét (Chữ Nôm cũng đánh vần tương tự: Viét= Bút + Yết chữ Hán, tức byiết). [12]

- (ii) Chữ Việt ngày nay đã đánh mất khá nhiều các từ Nôm và Hán Việt cổ. Xem chương sách về “Chuyện Ý Lan và Nôm Lục Bát của Trương Thị Ngọc Trong soạn năm 1759” trong quyển ‘Hồ Xuân Hương – thiên tình sử’ của gs Hoàng Xuân Hãn [7] ta thấy hầu như bất cứ đoạn nào cũng có những từ Nôm và Hán Việt tối cổ, ngày nay người Việt rất khó nhận ra. Thí dụ:
- loi thoi= lẽ loi
  - luông= gần như vô ích
  - bua= vua
  - bùng tung= tờ mờ sáng
  - chợ= kinh kỳ (Kê Chợ= Thăng Long)
  - Đoài= phía Tây
  - khẩn khẩn= kiên trì
  - nắm nắm= nom nớp, kinh sợ
  - sau xưa= trước sau
  - tây= riêng tư
- (iii) Việc biến đổi từ Nôm sang quốc ngữ tuyệt nhiên không phải hoàn toàn là một biến đổi 1-sang-1. Biến đổi đó có thể 1-sang-2, 1-sang-3, hoặc 2-sang-1, v.v.. Biến đổi đó mang nhiều lý do, nhưng đáng kể nhất, có lẽ: lớ giọng, không tránh được, của các Thầy quốc ngữ gốc Tây phương, và việc thay đổi cách phát âm, cách đánh vần để giải toả cảnh đồng âm dị nghĩa. Nhưng trong việc giải toả cảnh đồng âm dị nghĩa đó, chữ quốc ngữ tạo ra thêm một loạt đồng âm dị nghĩa khác, bởi trong chữ Tàu, chữ Nôm, hai ba từ có thể đồng âm nhưng ‘viết’ ra khác nhau. Nhưng trong pinyin hoặc quốc ngữ, lại phải đánh vần như nhau.
- Thí dụ biến đổi 1 Nôm qua 1 quốc ngữ:



- Cua (âm Nôm: Cự) => Cua (quốc ngữ) / Đuôi (âm Nôm: đối) => Đuôi (qn)  
 Thí dụ về biến đổi từ Nôm sang quốc ngữ, *không* phải 1-qua-1:  
 Tây= tư và Tây= phương Tây có 2 chữ Nôm khác / nhưng 1 quốc ngữ: Tây.  
 Bẫng chuyển sang Tẫng, rồi thành Trẫng : 1 sang 2  
 Ngài= con ngài / Ngài= thừa Ngài: ít lắm 2 sang 1 (2 lối Nôm/ 1 quốc ngữ)  
 Yũ= lông chim/chuyển sang Vũ - đọc Vũ (phía Bắc) /đọc Byũ (Nam): 1 sang 2  
 Yang= Dương (Yang Quý Phi) / đọc Dzurong (Bắc) / Yuong (Nam): 1 qua 2  
 (xem ghi chú [21])

Hai biến đổi đặc trưng sau sẽ cho thấy quốc ngữ biến đổi Nôm rất nhiều:

- Biến đổi B & W của âm Nôm, cả hai gộp lại thành V:  
 Như đã thấy, thời thế kỷ 17 các giáo sĩ đã viết **B**ua cho Vua, và Uuan (tức **W**ang) cho Vương. Rất nhiều âm Nôm B (bôn= vồn / bùng= vùng) và W (con Voi= con voi / con we= con ve) đều đ ược thay thế bởi V. Âm Hán Y như công viên (gong yuan), Mã Viện (Ma Yuan), và W như Wang Yu, wu **zhi** cũng đều ký âm lại thành V: công viên, Mã Viện, Vương Vũ, vô **tri**. Số lượng V thay thế B (hoặc Y), và V thay thế W gần như bằng nhau 50:50 [11]. Bây giờ người Việt chỉ biết có vần V: Vua và Vương. Mặc dù lối phát âm phía Nam thiên về B (ông byua / đi byề / Byuong Byũ) và phía Bắc hoàn toàn ngã sang V (ông Vua / đi về / Vương Vũ) {Xem chi tiết và phân tích trong [11]}.

- Biến đổi BL (blời), KL (klợn), và âm Tàu ZH (zhong) tất cả sang TR:  
 Biến đổi BL (blời) => TRlời, KL (klợn) => TRlợn / đều là những biến đổi rất quen thuộc. *Nhưng biến đổi từ ZH của các từ Hán Việt sang TR chỉ được tình cờ phát hiện ra trong lúc viết bài này!*

Cũng y như biến đổi 2 sang 1 của B & W qua V, biến đổi TR là một biến đổi ‘ngoại giới’ của những người không sinh trưởng tại xứ nói tiếng Nôm. Các vần (KL / TL và Hán ZH) phải biến đổi sang TR đều là những vần không có trong tiếng Pháp hay tiếng Bồ Đào Nha. Cũng giống như W và By, cả hai bị biến đổi sang V. Và cách gộp lại thành 1 TR cho mọi thứ (BL, KL, TL và ZH) đã gặp sức đối kháng của thói quen từng ‘miền’ y như B & W sang V.

- Ở phía Bắc, y hệt như B & W qua V, người ta có khuynh hướng giữ cách phát âm Tzch cho âm TR từ ảnh hưởng tiếng Hán:

Trà thường gọi Chè, tương ứng với Chà tiếng Tàu.

Trần (họ Trần): đọc Tchân, gần giống Chan (HK) và Chen (Trungquốc)

Trọng đọc Tzchong, rất gần quan thoại Zhong

Vô Tri phát âm Vô Tzchi - gần gũi với Hán: Wu Zhi

Trân (Trân châu cảng) đọc Tzchân, y hệt quan thoại Zhen

Trung (hai bà Trưng) đọc Zhung, rất gần quan thoại Zheng

Rồi tuốt luôn cho các từ ‘thuần Nôm’ chính ra không phải ZH và cũng không phải TR: Trời ơi => Tzchời ơi => Giời ơi. Bởi *TRlời* là một ‘phát minh mới’ và ngày xưa chỉ có *Blời* ơi. Trợn vện => Tchợn vện.

- Ở phía Nam, giới cải lương và dân thành thị, thấy TR thường đọc như kiểu Tây phương, nên đọc tuốt luôn cho thuần Nôm lẫn Hán Việt: Trương Ánh Nguyệt / Trần Hưng Đạo / cá trê / cá tra. Tuy nhiên, giới nông thôn, có vẻ vẫn giữ thói quen ngàn đời xưa cũ: Ở chằn ở chuồng / ông Chằn Chùng (Trần Trùng) / Chời ơi đất hời.

Bây giờ xin trở lại truyện Kiều và chữ quốc ngữ. Ta lại phải để ý một vài điểm quan trọng như sau:

- (i) Có rất nhiều bản truyện Kiều viết bằng quốc ngữ. Nhưng đa số dùng từ rất tân, rất hiện đại, so với truyện thơ lục bát chữ Nôm của Trương Phú Nhân [7], gần như cách vài ba câu là có một hai từ tối cổ. Mặc dù bài của Trương Phú Nhân về ‘Ý Lan hoàng hậu’ xuất hiện trước khi Nguyễn Du chào đời (1765) chỉ vài năm. Điểm khác cũng cần để ý: Một trong những bản quốc ngữ Kiều đầu tiên đã do Petrus Trương Vĩnh Ký soạn lục, ra đời ít lắm cũng trên dưới 50 năm sau khi Nguyễn Du hạ bút viết ra Kiều. Điều này có nghĩa tất cả các bản Nôm về sau đều rất có thể dựa trên những truyền khẩu dân gian và các ấn bản, qua môi trường của chữ quốc ngữ, chứ không phải tiếng Nôm. Và như phía trên đã phân tích, từ khoảng năm 1850 tức giữa thế kỉ 19, chữ quốc ngữ đã hoàn toàn phát triển, và biến đổi khác với chữ Nôm rất nhiều. Biến đổi ở các từ Nôm xưa, và cách phát âm của rất nhiều từ.
- (ii) Hiện nay, chưa có một cuộc nghiên cứu nào sâu rộng về biến đổi phát âm từ Nôm qua quốc ngữ, nhất là đối với truyện Kiều. Nhiều điểm gây tranh cãi sôi nổi cũng đều phát xuất ở chỗ hiện nay chưa có một tiếng nói thẩm quyền nào xác định về lối phát âm của hàng ngàn, hàng chục ngàn từ - trong tiến trình biến dạng từ Nôm sang quốc ngữ. Thí dụ:
- Vung và Vùng có cách viết Nôm giống nhau và phát âm như Bung / Bùng: ‘Một vŨng như thể cây quỳnh cành dao’ thường là đề tài tranh cãi sôi nổi với ‘Một vUng như thể cây quỳnh cành dao’.
  - Câu hỏi cần được đặt ra: Thế Nguyễn Du tiên sinh, khi ngâm nga chính thơ Kiều, đã ngâm như ngày nay ta đọc Kiều hay không? Có lẽ KHÔNG! Như đã trình bày ở trên, thời gian biến chuyển mạnh mẽ nhất - từ Nôm sang quốc ngữ - theo thiên ý nằm vào khoảng từ 1750 đến 1850. Cuộc đời của Tiên Điền (1765-1820) nằm trọn trong thời gian biến chuyển đó. Nhưng có một điểm ta có thể phỏng đoán với xác suất đúng rất cao: Tiên Điền chưa học qua chữ quốc ngữ. Như vậy Tiên Điền lúc ngâm nga truyện Kiều đã ngâm nga theo phát âm . . . chữ Nôm. Thí dụ:  
Nguyễn Du rất có thể đã phát âm Wang Shuí Kiều thay vì Vương Thúy Kiều. Tiên Điền và thế hệ của Ông đọc Wang Shuí Wân thay vì Vương Thúy Vân. ‘Khuông Bẫng đài đạn niết ngài nữ nan’ (chiết lược từ [5]) thay vì ‘Khuôn trắng đây đạn nét ngài nở nang’ như ta đọc ngày nay,

Có tất cả chừng 5 bản Kiều bằng chữ quốc ngữ thường được kể đến trong các sách tài liệu về truyện Kiều:

- (a) Bản của Trương Vĩnh Ký: bản đầu tiên bằng chữ quốc ngữ, có trước ngay cả các bản chữ Nôm nổi tiếng.
- (b) Bản của Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim: khoảng 90 năm sau bản Trương Vĩnh Ký và 40-70 năm sau các bản chữ Nôm của Kiều Oánh Mậu và Duy Minh Thị.
- (c) Bản của Lê Văn Hoè, của Bùi Khánh Diễm, của Nguyễn Văn Vĩnh, v.v.

Do ở tính chất truyền khẩu và chép lại hàng ngàn lần, không bản Kiều nào giống bản Kiều nào. Các từ dùng đều rất tân, và chải chuốt. Tất cả người Việt với căn bản Việt ngữ hiện đại đều có thể đọc và hiểu được toàn truyện! Nhưng các bản này có rất nhiều từ khác hẳn nhau và nhiều đoạn khác biệt với nhau.

Ta có thể rút tĩa ra một kết luận tất yếu và hiển nhiên: Truyện Kiều trong bản chữ Nôm lẫn quốc ngữ đã bị sửa chữa thay đổi rất nhiều. Và thay đổi sau khi chữ quốc ngữ đã thay thế chữ Nôm. Nhắc lại, chữ quốc ngữ biến chuyển rất nhiều trong khoảng 1750-1850, truyện Kiều phát triển mạnh mẽ, in ấn rầm rầm trong khoảng 1850-1950.

#### 4. Ngài chính là phát âm cổ xưa của Người

Bây giờ chúng ta hãy thử chứng minh bằng nhiều cách khác nhau rằng NGÀI chính là cách phát âm tiếng Nôm cho NGƯỜI dùng để chỉ người ta, như trong câu:

Trăm năm trong cõi **người** ta

(Phát âm Nôm đoán theo [5] và [9]: Blâm nam tlong gũ **ngài** ta)

Kiểm chứng này rất thiết yếu trong thẩm định việc Phạm Duy thay đổi ‘ngài’ ra ‘người’ có cơ sở lí luận nào hay không. Bởi nếu ‘ngài’ chính là lối phát âm Nôm cho một từ nào đó dùng để chỉ ‘người’, ‘Trăm năm trong cõi **người** ta’ đã được tác giả Kiều viết mang theo phát âm: ‘Trăm năm trong cõi **ngài** ta’. Và ‘ngài’ trong ‘nét ngài nở nang’ bởi mang phát âm ‘ngài’ nên cũng rất có thể, qua cảnh đồng âm dị nghĩa, đã được tác giả Kiều mang hàm ý ‘người’. Và những soạn giả Nôm lẫn quốc ngữ ‘hậu bối’ đã ghi lại ... sai. Đáng nhẽ phải ghi ‘nét người nở nang’ nhưng lại ghi ‘nét ngài nở nang’ do ở lầm lẫn biến chuyển qua lại giữa ‘ngài’ và ‘người’, và trong tình huống của đồng âm dị nghĩa.

(i) Kiểm chứng qua lối đánh vần trong chữ Nôm

Theo Tự Điển chữ Nôm [5] và tất cả bản Nôm của Kiều:

- ‘Người’ như trong ‘trăm năm trong cõi người ta’ được viết= Nhân + ½ Ngài, tức đọc NGÀI, có cách viết y như ‘Ngài’ để chỉ những người có chức, có địa vị.
- ‘Ngài’ trong ‘nét ngài’ chỉ con tằm, chỉ lông mày (nga-mi) được viết theo = Trùng+1/2 Ngài. Trùng để ‘hội ý’ chỉ côn trùng. Phân nửa chữ Ngài để hài thanh âm cho NGÀI.

Như vậy Ngài và Người có cách phát âm giống y như nhau theo cách viết chữ Nôm.

(ii) Kiểm chứng qua tiếng Mường và ngôn ngữ của các dân tộc ít người

Tự điển tiếng Mường [10] có ghi:

Ngài= ngài. *Tôi xin chào ngài= tôi xin chào ngài*

Ngài= người ta. *Con pấu con ngài= Con nhà người ta*

Ngài= nhộng (ong). *Con ngài nì rang băng điênh ăn lăm= Nhộng ong này rang măng chua thì ngon lăm.*

Ta thấy rõ tiếng Mường vẫn chưa thu nhập chữ ‘Người’ và vẫn giữ ‘Ngài’ để chỉ ‘người’.

Người Mường là ai? Đại khái họ là bà con họ hàng rất, rất gần với Việt tộc ở đồng bằng Bắc Việt từ thời Văn Lang xa xưa. Có nhiều giả thuyết lại nói họ chính là những bộ tộc Lạc Việt thuần túy. Có lẽ không thấy thoải mái sống dưới ách đô hộ của Tàu, trong vài thế kỷ sau Công Nguyên, người Mường di dân vào những miền sơn cước và sống biệt lập với người Kinh mãi cho đến thế kỷ hai mươi. Ngôn ngữ của họ trong thời cổ đại y hệt như ngôn ngữ của người Kinh. Theo một thông kê vào năm 1946 của bà Jeanne Cuisinier (tác giả quyển: Les Mường - Géographie humaine et sociologie) vào thời đó dân số người Mường có độ 300000, sống tập trung tại các khu vực Hoà

Bình, Phú Thọ, Sơn Tây và Thanh Nghệ Tĩnh. (Góp ý của anh LB Hồng - thuộc diễn đàn mitchong {mc}- qua quyền Non Nước Việt Nam anh sưu tầm trong chuyến lữ du Sa-Pa: Nhóm Việt-Mường bao gồm 4 sắc tộc - Kinh (chiếm 90% dân số), Mường, Thổ, và Chứt - là nhóm lớn nhất trong 54 nhóm sắc tộc và 8 nhóm ngôn ngữ tại Việt Nam.)

Tuy nhiên nếu dùng tiếng Mường đem ra đối chiếu ta cần phải thận trọng, hết sức thận trọng. Bởi tiếng Mường theo các sách xuất bản trong vòng, và nhất là cuối, thế kỷ 20 đều đã bị ‘nhuộm’ nặng ảnh hưởng của quốc ngữ. Tiếng Mường ở dạng ta đọc được ngày nay đều ‘bị’ Latinh hoá, y như quốc ngữ đã Latinh hoá chữ Nôm. Đáng để ý nhất là những từ bắt đầu bằng V (xin xem ghi chú [15]). Tuy nhiên, tiếng Mường viết theo a-b-c vẫn không đến nỗi cải biến nhiều như quốc ngữ. Ta thấy nhiều từ bắt đầu bằng B & W vẫn còn giữ phân biệt như xưa, chứ không bị tống hết vào V như quốc ngữ. Thí dụ:

Wan nài (M)= Van nài (V) / Wan nghênh (M)= Hoan nghênh (V)  
Wàn hôn (M)= Hoàn hôn / Wàng lá (M)= Vàng lá (V) / Wánh đôn (M)= vành nón (V)  
Wòng cung (M)= Vòng cung (V) / Wy thể (M)= Uy thể (V)  
Wa= Hoa (wa: để ý giống phát âm Nam Bộ) / Wà hợp= Hoà hợp / Wè= con ve  
(Còn nhớ: ‘nghe ve nghe ve, nghe ve ...’ chắc chắn xuất phát từ Mường, Wè= Ve)

Bua (M)= Vua (V) / Biết (M)= Viết (V) (y như tiếng Hán: Yuết) / Bút lông= bút lông  
Bối lăi (M)= Vối lại (V) / bài trừ (M)= bài trừ / bài (M)= vái (V) (vái chào)  
Bất măn= bất măn / bất tli (M)= bất trị / bất ngờ= bất ngờ.

Cho dù rằng tiếng Mường có thay đổi ít nhiều, nhưng từ dùng để chỉ ‘người’ của tiếng Mường chỉ có 1: NGÀI – dùng luôn cho 2 nghĩa, ngài cho người, và ngài như trong ‘thưa Ngài’.

Thế ngôn ngữ của các dân tộc ít người khác thì sao? Từ thiết yếu để chỉ NGƯỜI của các ngôn ngữ đó là gì? Xin ghi lại bản đối chiếu các từ chỉ NGƯỜI trích trong quyển sách về ngôn ngữ của Trần Trí Dõi [3]:

- |                               |                           |
|-------------------------------|---------------------------|
| - tiếng Nguồn: ngàj           | - tiếng Sách: ngàj        |
| - tiếng Mày: ngàj             | - tiếng Rục: ngàj         |
| - tiếng Xơ Đăng: mongê        | - tiếng Kơ Tua: moi ngàj  |
| - tiếng Dêh: ngaj             | - tiếng Triêng: ngaj      |
| - tiếng Ba Na: ngaj (mơ-ngaj) | - tiếng Hrê: ma ngaj      |
| - tiếng Gié Triêng: ma ngaj   | - tiếng Việt: người, ngài |

Điểm đáng để ý, ghi chú [3] hoàn toàn không xác định ‘ngài’ chính là từ cổ của ‘người’ trước khi quốc ngữ thay thế Nôm.

(iii) Biến chuyển từ âm A sang ƯỚ qua tác động của quốc ngữ

Biến chuyển từ Ngài sang Người thật ra chỉ là 1 trong hàng chục biến chuyển khác từ nguyên âm A sang nhị âm ƯỚ – trong lúc chữ Nôm rút vào bóng tối và nhường chỗ cho quốc ngữ. Đó là biến chuyển:

Lên đàng => lên đường / tlàng học => tràng học => trường học  
Nàng => nương

Nhà Thang => nhà Thương / Yang gui Fei => Yương quý Phi  
Mài => Mười (10) / Đài ai => đười ươi / Tai cài => tươi cười  
Trang (họ) => Trương (họ) {viết tiếng Tàu y như nhau}  
NGÀI biến sang NGƯỜI hoàn toàn nằm trong quy lệ này

Kiểm chứng: Lật một quyển tự điển chữ Nôm ta thấy lối đánh vần của các âm ngày nay đọc ƯỚ (thí dụ: Mười – 10) luôn luôn dựa trên âm A (thí dụ: m*Ài*), và không có âm ƯỚ để tạo âm cốt yếu, hỗ trợ cho phát âm ƯỚ. Thí dụ:

- Ươn (cá ươn)= từ + An (viết theo chữ Nôm) => ươn xưa đọc: An
- Mưỡn= Nhân + MAn = Di + mAn => Mưỡn xưa đọc Màng
- Mượn= tâm + mAn => ‘mượn’ thời Nôm đọc mAn
- Mười (10)= Mài + Thập (Hán tự chỉ 10) => Mười = Mài
- Nướm= Thủy + nAm / Nướp= Khẩu + nAp => nướm nướp= nằm nẹp
- Tươi= Nhục + tAi / tưới (tưới cây)= thủy + tái. Tươi đọc Tai / tưới đọc tái

Chỉ trừ các từ xuất phát từ tiếng Hán: thí dụ, ‘nuong’ hài thanh từ chữ Hán ‘niang’ / ‘tường’ từ Hán ‘xiang’, đa số các từ Nôm có âm ƯỚ thường xuất phát từ âm A. Cách viết chữ Nôm âm ƯỚ hoàn toàn độc lập và dựa trên âm A như các thí dụ phía trên đã minh chứng.

Quyển ‘Tiếng Việt Tuyệt Vời’ của gs Đỗ Quang Vinh [13] có trích dẫn bản liệt kê các từ còn dùng trong thời gian gần đây ở khu Bắc Trung Bộ - thường dễ nhầm lẫn với phương ngữ - của Bs Lê Văn Lân. Trong đó có:

hắng n*Ác*= hứng nước

cho thấy rõ ràng ‘n*ƯỚc*’ với âm ‘ươ’ tương đương với ‘n*Ác*’ (y hệt như phát âm theo đánh vần chữ Nôm: Nước= giả tá âm chữ Hán: N*ÁC*), một cách phát âm thời cổ còn lưu lại, mà ta có thể lầm tưởng như phương ngữ.

Biến chuyển từ A sang ƯỚ cũng được nhà nghiên cứu Nguyễn Tài Cẩn [4] đề cập đến. Nhưng công trình [4] không xác nhận biến chuyển này phát sinh sau khi quốc ngữ đang và đã thay thế chữ Nôm theo như giả thuyết ở đây - dựa trên phân tích đánh vần chữ Nôm.

Do đó ‘ng*Ài*’ biến sang ‘ng*ƯỚi*’ cũng chỉ một trường hợp trong vòng biến chuyển âm A sang ƯỚ, lúc Nôm bắt đầu thoái vị, nhường chỗ cho quốc ngữ mà thôi.

(iv) Một vài điểm dễ nhầm

Qua ba lối chứng minh trên ta có thể xác định chắc chắn:

Ngày trước, ‘Ngươi’ dùng để chỉ ‘con người, người ta’ được phát âm trên khắp nước An-Nam là NGÀI.

Nhân tiện xin khảo sát một vài điểm *dễ nhầm* trong việc nghiên cứu Kiều và chữ Nôm, chữ quốc ngữ nói chung: Dễ nhầm ở chỗ khi ta phát hiện một phát âm hoặc một lối đánh vần hơi lạ của một từ, ta thường cho đó là phương ngữ, là cách phát âm địa phương. Thí dụ: Ngài là một phương ngữ miền Nghệ Tĩnh cho Ngươi. Nác là phương ngữ của Bắc Trung Bộ cho Nước. Có vài khu vực Bắc Bộ người ta lẫn lộn âm L và N với nhau: chim hót nú no (thay vì líu lo) / Ở Hà Nội người ta lối lảng khéo nắm. *L thay N lẫn nhau* là nhầm lẫn qui về phát âm ‘địa phương’.

Những điểm dễ nhầm đó – qua phát hiện khi viết bài này - đều có thể được minh chứng rằng *không phải phương ngữ*, hay *phát âm đơn thuần địa phương*, mà chính cũng do tác động của quốc ngữ, của những Thầy quốc ngữ đầu tiên. Bằng cách truy về cội nguồn của phát âm chữ Nôm, hay chữ Mường - trước khi người Tây phương mang chữ cái alphabet đến nước Nam, và bày ra chữ quốc ngữ thay thế chữ Nôm.

Khi bắt đầu cuộc trao đổi ý kiến về đề tài này trên mạng, Lê Quý {mc}, theo đường hướng Phạm Duy, đưa ra một câu ca dao anh ấy nhớ từng nghe ở Nghệ An trong những năm 1946-1952:

Hà Tĩnh gạo trắng nước trong

Em về Hà Tĩnh thông dong con ngài {mang ý: con người}

và đồng ý với Phạm Duy rằng người Nghệ Tĩnh, ít ra trong thời 1945, vẫn còn dùng Ngài cho Người - như một phương ngữ. Nhiều bằng hữu mitchong gốc Nghệ An, như ND Nam, biên thư i-meo cho biết anh ấy đã kiểm chứng với các Cụ ở nhà và các Cụ nhớ chưa bao giờ nghe Ngài dùng thay cho Người ở Nghệ An.

TQ Dương {mc} nói lên thắc mắc, một nhà thơ lớn như Nguyễn Du khi hạ bút viết ra Kiều không lẽ lại cứ dùng các phương ngữ Nghệ An. Và thật ra như đã thấy ‘Ngài’ hoàn toàn không phải là một phương ngữ, nhưng chính cách phát âm của tất cả người An-Nam vào trước thế kỷ 18-19 cho một từ Nôm dùng để chỉ ‘Người’. Thế tại sao có cái mốt lạ đời này. Theo thiên ý một này do chính cố gs Hoàng Xuân Hãn bày ra! Người ta thấy nó được viện dẫn cho có vẻ thẩm quyền trong nhiều quyển sách phân tích và nghiên cứu về Kiều (thí dụ [14]). Theo ghi chú [6], Gs Hoàng Xuân Hãn cho rằng bản Kiều đầu tiên của Nguyễn Du đã ‘được’ một người bạn thân, Phạm Quý Thích tiên sinh sửa chữa, nhất là những từ mang phương ngữ Nghệ An, cho hợp với ngôn ngữ ... Nôm của cả nước. Ý kiến này, theo thiên ý, thiếu sót rất nhiều các bằng chứng cụ thể, nhất là về Nôm học và ngôn ngữ học. Bởi chính Hoàng giáo sư hồi sinh thời cũng chưa hề trông thấy bản sửa chữa của Phạm Quý Thích hay nguyên bản gốc của Tiên Điền. Điểm ‘dễ nhầm’ đó (xin tạm dịch từ fallacy) của nhiều tác giả và của chính học giả Hoàng Xuân Hãn hiện ra rất rõ qua phần chứng minh Ngài= Người ở trên, và qua chính sơ suất của cố học giả họ Hoàng trong tác phẩm về Hồ Xuân Hương của Ông [7]. Thật ra đó là một mâu thuẫn rất nhỏ. Trong [7], có một chương về tác phẩm lục bát của Trương phu nhân, học giả nhấn mạnh nhiều chỗ, người gốc Kinh Bắc, tức Bắc Ninh ngày nay. Thế nhưng trong một trang chú thích (tr 154) các từ cổ, tác giả ghi: *NGAY: Biến âm của NGÂY. Vùng Nghệ Tĩnh nguyên chỉ có từ NGÂY mà thôi*. Xin nhắc lại Trương Phu Nhân người gốc Kinh Bắc, chứ không phải Nghệ An.

Thật ra điểm dễ nhầm này có thể xuất phát từ việc những từ cổ vẫn thường được nghe ở khu vực Thanh Nghệ Tĩnh, chẳng hạn. Có lẽ nghe từ những người Mường địa phương bởi vùng Thanh Nghệ Tĩnh là một trong những địa bàn chính của người Mường. Hoặc bởi những vị Thầy quốc ngữ trong những khu vực đó không có thói quen ‘táy máy’ biến chuyển cách viết, cách phát âm, hay sáng tác các từ mới. Hay cách phát âm mới, biến chuyển của từ đã đến hơi chậm, hoặc không đồng đều với khối dân số của khu vực.

Qua việc tìm tài liệu và kiểm chứng để viết ra bài này, người viết chợt phát hiện rất nhiều điểm fallacy, điểm dễ nhầm mà rất nhiều người, kể cả rất nhiều vị tiền bối với

kiến thức sâu rộng đáng bậc thầy, đã vướng phải. Trong đó có phát âm lẫn lộn L và N. Trong thí dụ sau, người ta thường nhầm đó là phát âm địa phương:

Chim hót nú no / Ở Hà Nội người ta lói lẻo khéo nắm. THAY VÌ:  
Chim hót lú lo / Ở Hà Nội người ta nói năng khéo lắm.

Cũng lại một hiện tượng biến đổi từ Nôm sang quốc ngữ!

Dẫn chứng thứ 1: Hỏi một người Hongkong hoặc Quảng Đông làm ơn phát âm tên nước Việt Nam? Đa số họ sẽ nói ngay: Yuết Lam / L (Lam) thay vì N (Nam). Một số khác cũng có thể phát âm: Yuết Nam.

Dẫn chứng thứ 2: Xin thử phát âm LAM và NAM. Ta để ý vị trí lưỡi, họng và môi trong lúc phát âm Lam và Nam: gần như y hệt nhau!

Dẫn chứng thứ 3: lật quyển tự điển chữ Nôm, ta có thể tìm thấy:

- Nương (nương tựa)= Thủ + Lương (âm N viết theo L)
- Lom (lom khom)= Thân + Nam (âm L viết theo N)

Dẫn chứng thứ 4: Phát âm giữa L và N rất khó phân biệt trong tiếng Nôm đến nỗi một vài biến chuyển qua lại trở nên ‘bình thường’ qua cách kèm thêm chữ H:

- Nhầm lẫn => Lầm lẫn
- Lạt lẽo => Nhặt nhèo. Nhưng: Lạnh không thể=> Nhanh, bởi Lạnh: Hán từ, Lặng
- Nhác => Lác [7]
- Lớn => Nhớn (người nhớn)

So chữ Nôm:

- Lầm= Ngộ + Nhâm (âm L dựa trên Nh) / Nhầm= Khẩu + Lâm (đọc Lâm)
- Nhặt= Thủy + Lạt (Nh dựa L) / Nhanh= âm Hán: Linh (tức đọc Lanh)

Xem kỹ các dẫn chứng trên, và đặc biệt để ý trước khi có quốc ngữ, người An-Nam không thể phân biệt L và N, bởi họ chưa biết a-b-c. Họ chỉ dựa vị trí lưỡi và môi vào những chỗ nào đó và phát âm lên, thí dụ Nói và Lói. Sự lẫn lộn giữa L và N hoàn toàn không có trong môi trường tiếng Nôm. Nó chỉ xuất hiện bởi các giáo sĩ không biết ký âm đó bằng L hoặc bằng N, cách nào mới đúng. Hậu quả: người ở vài khu vực phía Bắc vẫn bị lộn xộn bởi quốc ngữ, khi phát âm các từ ký âm bắt đầu bằng L hay N.

Điểm dễ nhầm còn được phát hiện trên rất nhiều khía cạnh của tiếng Việt trong dịp sửa soạn ‘nét ngài’.

- Chẳng hạn: cách phát âm TR (thí dụ: Trọng lượng, Trần Trung) - như Tzchong lượng, Tzchân Tzchung, của người phía Bắc, hoặc thỉnh thoảng như Chong lượng, Chần Chung theo phía Nam - từ trước đến giờ vẫn là một chuyện khó hiểu. Thật ra, cách phát âm không giống TR quốc tế này xem lại rất gần với phát âm Hán ngữ ngày xưa và nay: Zhong liang, Chen Zhung, v.v.
- Chẳng hạn: cách phát âm TH như Thăng Long / Thượng Đế, v.v. Trong thời chữ Nôm, âm TH đã được phát âm y như quan thoại SH ngày nay: Sheng Long / Shang Tí. Bằng chứng: Trong văn bản năm 1626 của giáo sĩ Francisco Buzomi Thượng Đế viết bằng quốc ngữ ‘Xán Tí’ gần như tiếng Hán: Shang Tí. Quyển ‘Tiếng Việt Tuyệt Vời’ [13] có ghi nhận một vài khu vực ở phía Bắc, người ta phát âm lẫn lộn TH với S như: ‘mưa như xé mà ra thân xì xé nào cũng cảm mát xôi’ => ‘mưa như thế mà ra sân thì thế nào cũng cảm mát thôi’. Ta cũng dễ nhầm rằng phát âm TH qua lại với SH hay X sai. Thật ra đó cũng là lối phát âm cổ còn sót lại. Tuy nhiên ta có thể để ý SH biến sang TH ít gây xáo trộn và đảo lộn bất thường như BL, KL, TL và ZH chuyển sang TR, hay B & W bị tổng hết vào V.

Nhưng vì khuôn khổ bài viết có hạn nên xin hẹn dịp khác.

## 5. Nét Người nở nang?

Bây giờ xin quan sát nguyên mệnh đề: *nét ngài nở nang* và *nét người nở nang*.

Ai cũng biết ‘nét ngài nở nang’ đã thành một tiêu chuẩn, và dính chặt trong đầu óc của bất cứ người Việt nào biết qua truyện Kiều. Bác bỏ ‘nét ngài’, và thay vào bằng ‘nét người’, là một việc làm hết sức táo bạo, và ... động ‘blời’. Bởi nó va chạm đến một thói quen, một quán tính của người Việt khắp nơi. Cho đến đây, chúng ta đã cố gắng thiết lập một vài điểm cơ bản để thẩm định việc làm táo bạo của Phạm Duy có cơ sở lý luận vững chắc hay không. Xin tóm lược:

- Thảo luận về nguyên bản Kiều có phải thế này hoặc thế kia hay không là một việc mang nhiều tính chất khoa bảng. Bởi Kiều bị biến đổi quá nhiều qua ba đợt: Đợt truyền khẩu (trên 1000 người); Đợt ghi lại bằng chữ Nôm (chừng 5-6 bản); và Đợt dịch sang quốc ngữ (chừng trên 10 bản). Mỗi đợt cách nhau chừng vài chục năm.
- Một điểm mấu chốt được xác nhận: Tại nước An-Nam, trước khoảng chuyển tiếp thế kỷ 18-19, người ta phát âm NGÀI cho từ dùng để chỉ ‘con tằm, con nhộng (ong)’, và luôn cả ‘con **người**’, và những người ở địa vị trên trước (thưa Ngài). Tác giả Kiều rất có thể đã phát âm *Người* và *Ngài* bằng một tiếng mà thôi: NGÀI.

Trước hết xin hãy xem những giải thích hỗ trợ ‘nét ngài’, thường có thể tìm thấy trong tất cả sách vở viết về Kiều có từ trước đến nay, qua đóng góp của các bằng hữu xa gần trên mạng internet, đặc biệt nhóm mitchong {mc}.

### 5.1 Nét NGÀI

Rất nhiều, nếu không nói gần như tất cả, bằng hữu ở diễn đàn mitchong giữ vững lập trường ‘nét ngài’. Chị ND Ngôn nữ danh Mai Chi {mc} từ California, trích lược giải thích của Nguyễn Xuân Nghĩa về nét ngài như sau.

Theo các điển tích Trung Hoa, nét đẹp của Thúy Vân được tả trên 2 lãnh vực, thâm mỹ và tướng pháp. ‘Trang trọng’: *Trang* nói về tính tình lộ ra cử chỉ, *trọng* tả về tầm vóc thân hình. *Khuôn trăng đầy đặn*: Khuôn mặt tròn, bầu bĩnh. *Nét ngài nở nang*: Đôi lông mày dài, cong cong cân xứng với khuôn mặt tròn. *Mây ngài*: dịch từ tiếng Tàu: Nga Mi. Con ngài là loài bướm vừa chui ra khỏi cái kén, đầu có 2 râu nhỏ, dài và cong. Người ta hay ví lông mày dài có nét bán nguyệt, với râu con ngài nên thường gọi Nga-Mi.

Mai Chi {mc} phát biểu một quán tính khó thay đổi, bởi xưa nay chỉ nghe tả NGÀI ở trong phần giới thiệu nhân vật Thúy Kiều và Thúy Vân, nên thích ‘nét ngài’ hơn. Lúc nói về Thúy Vân có khuôn mặt đẹp, có hậu, cuộc đời không bị lận đận, long đong, chứ không được đẹp, sắc xảo như Thúy Kiều, bị cảnh hồng nhan đa truân.

Nhà thơ Bùi Tiến Hoàng {mc} từ Canada, góp ý dựa trên bản quốc ngữ của Ưu Thiên Bùi Kỳ và Lê Thần Trần Trọng Kim [16]: Theo tướng thư, diện như mãn nguyệt, my nhược ngọa tà. Mặt như mặt trăng tròn mà lông my như con tằm nằm ngang. Anh Hoàng cũng cho một khôi hài ý nhị, để ứng đáp với anh NĐ Nam {mc}, qua dẫn chứng bản của Quán Vân Đường, phải chăng thật ra tác giả Kiều có thể đã viết:



‘Khuôn lưng đầy đặn, nét người *hở hang*’?

Howard Nguyen {mc} từ Sydney, cho rằng *nét ngài* hợp lý hơn bởi người xưa thường thán phục vẻ đẹp thiên về cảm xúc lãng mạn hơn là những cảm hứng xé-ch-xi. Người ta thường nhìn người phụ nữ ở khuôn mặt hơn là thân thể.

TQ Dương {mc} từ Wellington – Tân Tây Lan, với chuyên khoa ngôn ngữ học, cho một i-meo dài về nét ngài, xin tạm dịch sang quốc ngữ như sau: Nếu dùng ‘nét người nở nang’ người ta sẽ có thể hỏi tại sao một văn hào đạo mạo như Nguyễn Du lại có thể mô tả nét đẹp phụ nữ một cách quá lộ liễu trắng trợn như vậy. Trong khi người ta vẫn có thể dễ dàng chấp nhận và thông hiểu các lý do khiến nhạc sĩ lão thành Phạm Duy đã thay đổi ‘nét ngài’ thành ‘nét người’ trong vế 20 của Kiều.

Thế nhưng, trên phương diện ngôn ngữ học, bất cứ một từ nào cũng có những phụ từ mang tính tương thanh hưởng ý (collocations). Thí dụ: người ta nói *strong wind and heavy rain* (gió mạnh và mưa nặng hạt) chứ không ai nói, *heavy wind and strong rain* (gió nặng và mưa mạnh). Trong tiếng Việt, lông mày dù giống hình con ngài thường đi đôi với ‘bán nguyệt’ hoặc ‘thanh tú’ hay ‘rậm rạp’. Có cái gì bất ổn khi nói: ‘lông mày nở nang’.

Senior TQ Dương viết tiếp: Theo quyển ‘Thúy Kiều Truyện Thường Chú’ do Chiêm Vân Thị chú đính và Trúc Viên Mạnh Liêu phiên dịch và phụ chú (ấn bản thứ nhất 1965, do Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản), nét ngài xuất phát từ ‘*ngọa tầm*’. Trên khuôn mặt người ta, *ngọa tầm* nằm ngay dưới ‘khoé mắt’. Quyển *Sách Tướng Kinh* có viết: *Phụ nhân ngọa tầm vi nhược phong mãn, bất thâm hãm, vượng phu ích tử* nghĩa là: Một ngài đàn bà có *ngọa tầm* phát triển đầy đặn và trong sáng sẽ đem lại phú quý cho chồng và phúc lộc cho con cái. Thành ra có thể tác giả Kiều khi dùng *ngài* trong *nét ngài nở nang* có thể mang hàm ý *ngọa tầm* tức nét tướng phía dưới đôi mắt. Thế có thể tác giả Kiều biến đổi ‘tầm’ ra ‘ngài’ để phù hợp âm điệu (niêm luật) với ‘khách vời’ ở vế phía trước hay chăng? [17]. Chắc là không. Nhưng tra cứu một quyển tự điển Hán Việt sẽ cho thấy, *tầm* tiếng Hán chính là con tầm, con ngài ở tiếng Nôm. Và do đó, TQ Dương {mc} kết luận, *nét ngài* trong vế đó mang nghĩa *ngọa tầm*, giống như con ngài nằm dưới khoé mắt. Chỉ có nét *ngọa tầm nở nang* mới đem lại phú quý, phúc lộc cho chồng con. Nét ngài, chứ không phải nét người.

NP Hưng {mc} và NL Bình {mc} từ miền Texas Hoa Kỳ cho i-meo khơi lại một chuyện thiếu sót trong chương trình giáo dục tại Việt Nam. Trong suốt mười mấy năm cấp sách đến trường, không một học sinh nào được Thầy Cô giảng dạy về chữ Nôm quá hơn 5-7 phút. NP Hưng đề cập đến một điểm dễ nhầm: tiếng Nôm trong cách nói, luôn luôn như vậy từ ngàn xưa, độc lập với chữ Nôm và quốc ngữ. Và anh Bình kêu gọi ai rành một tí về vấn đề này xin viết 1 bài cho dân chúng nhờ.

NĐ Nam {mc} từ Canada đưa ra hai bản khác:

Một của Quán Vân Đường: *Khuôn lưng đầy đặn, nét ngài nở nang*

Một của Duy Minh Thị: *Tư phong đầy đặn, nét ngài nở nang*

Và cho rằng *nếu theo hai bản này*, NGÀI mang nghĩa NGƯỜI có thể được chấp nhận dễ dàng bởi nó đối xứng với ‘Khuôn lưng’ và ‘Tư phong’.

Thế nhưng NĐ Nam tìm ra một đoạn khác cũng dùng *nét ngài*, lúc Tú Bà chỉ cho Kiều những ngón nghề để câu khách:

*Chơi cho liễu chán, hoa chê,*

*Cho lặn lóc đá, cho mê mẩn đời.  
Khi khoe hạnh, khi nét NGÀI,  
Khi ngâm ngợi nguyệt, khi cười cợt hoa.*

Và cho rằng ‘nét ngài’ ở đây chắc chắn đề cập đến lông mày phía trên khoe hạnh, tức khoe mắt.

Senior Lê Quý {mc} từ Melbourne, góp ý với suy luận của Phạm Duy qua việc ngắm tượng Dương Quý Phi ở Trung quốc: Trong tiếng Việt, ‘nở nang’ đi đôi với thân thể con người, xưa nay không bao giờ mang nghĩa ‘đẹp’. ‘Nở nang’ muốn tả ‘đẹp’ phải được ghép vào những bộ phận nào khác của cơ thể con người. Thêm vào đó, bởi vẻ trên tầng bốc vẻ đẹp thanh tao của Thúy Vân: ‘*Vân xem trang trọng khác vời*’ nên vẻ dưới rất khó lòng ‘*nét người nở nang*’ nhất là nếu *nét người* bị ghép vào những bộ phận khác, chứ không phải toàn diện thân thể con người. Ngoài ra, so sánh Dương Quý Phi với Thúy Vân cũng có thể không được chính xác, bởi Dương Quý Phi là một người đàn bà đã phát triển tột bậc, trong khi Thúy Vân chỉ mới chừng 15.

NV Ưu {mc} góp ý cần nghiên cứu kỹ hơn bởi Dương Quý Phi lúc được tuyền vào cung có thể chỉ chừng 18 tuổi và Thúy Vân, ngày ấy có thể cũng đã 17.

Anh Quý bàn thêm: Mô tả *nét người nở nang* có thể rất thiếu tự nhiên bởi ngày xưa ở giai cấp trung lưu, người phụ nữ thường ăn mặc quần áo xiêm y hơi rộng, chứ không bó chặt như ngày nay. Nếu vậy, các thi sĩ rất khó biết thân hình các cô, và do đó khó lòng mô tả đến nét người, đến thân thể . . . nở nang.

PQ Tuấn {mc} cho ý kiến: Cho dù Thúy Vân có lông mày phát triển... nở nang như Margot Hemingway hay thân hình đẹp, có da có thịt, như Marilyn Monroe, ta cũng khó lòng biết được thật sự ý định của Nguyễn Du. Thật ra, trong toàn bộ 38 vế vào đề của truyện Kiều, chẳng có câu nào đáng chúng ta phân tích tỉ mỉ cả, bởi mục đích chính của những vế đó là giới thiệu tổng quát các nhân vật và những góc nhìn nghệ sĩ và triết lý của tác giả cho toàn câu chuyện. Nguyễn Du có thể viết rất nhanh đoạn đầu. Đoạn này có thể được ... vứt đi mà không ảnh hưởng mấy đến giá trị tổng thể của truyện Kiều. Và thật ra chỉ đến vế thứ 39 ta mới thấy chất thơ bắt đầu lai láng:

Ngày xuân con én đưa thoi,  
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi  
Cỏ non xanh tận chân trời,  
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa

Bây giờ chúng ta hãy quan sát những quan điểm hỗ trợ Phạm Duy qua ‘nét người nở nang’. Nhưng trước hết, xin hãy lược qua, trong khuôn khổ hạn hẹp của bài này, nét đẹp phụ nữ theo những quan niệm xưa cổ.

## 5.2 Phụ nữ đẹp theo người xưa

Bác sĩ Hồ Đắc Duy từ Việt Nam, cũng thấy hứng khởi trong việc tham gia góp ý vào cuộc thảo luận ‘ngài’ với ‘người’. Rất may, anh Duy có đề ý ‘nét đẹp phụ nữ’ từ trước, như mọi *ngài* đàn ông, và đã viết một hai bài về đề tài này đăng trên báo chí khắp nơi, có thể tìm thấy trên trang mạng riêng của Anh [18].

Trước hết xin tóm tắt vài điểm liên hệ đến lông mày, dựa trên tài liệu của Bs Duy:

- (i) Theo trích dẫn từ một hai trang trong quyển sách về tướng học phụ nữ của Vũ Tài Lục [20], do bs HĐ Duy rà và gửi sang Sydney qua email:

*Những người con mắt lá răm*

*Đôi mày lá liễu đáng trăm quan tiền*

*Nói mắt tất phải nói kèm theo luôn đôi mày, vì mắt mà thiếu mày như nhà không có nóc. Tục ngữ Tây Phương có câu: 'Nếu anh cho một người mù đôi mắt, người đó sẽ xin luôn đôi mày' (On donna des yeux à un aveugle, et il se mit à demander des sourcils).*

*Người Tây phương cho thế là quá đáng, nhưng theo tướng lý thì sự đòi hỏi ấy rất phải vì có mắt mà không có mày thì cuộc đời sẽ chẳng ra làm sao.*

*Mi là đôi lông che của mắt, cũng là nghi biểu của mặt con người ta nữa, vì vậy mới có câu nói: 'mặt mày lem luốc, mặt mũi sáng sủa'.*

*Trước hết chữ MI theo Hán nghĩa là lông mày chứ không phải lông mi (hay lông nheo)....*

- (ii) Cũng theo ghi chú [20], sách Liễu Trang có chép:

*'Đàn bà lông mày không dài quá mắt thì nghèo, mày như muốn chòm xuống mắt thì khôn cùng, mày lúc nào cũng chau lại: cô độc, mày thô là ngu'.*

Một sách tướng số khác, cũng trích dẫn từ ghi chú [20] cho biết 5 cách xem tướng về lông mày:

*(a) nhiều tóc mà mày thưa; (b) quyền (gò má) cao mà mày nhạt;*

*(b) tóc dày cứng mà thiếu lông mày; (d) mặt lớn mà vô mi;*

*(e) mũi cao mà vô mi*

*đều là những tướng dễ bị đẩy vào hoàn cảnh cô độc.*

Kim Tỏa Phú có câu:

*Đàn bà có lông mày thẳng một vệt như chữ nhất, không thấy nét cong, tất mình hại phu tử.*

- (iii) Thế nhưng, theo một ca dao cổ Trung Hoa [18]:

*Nữ nhân đào hoa nhãn*

*Tư phòng liễu điệp mi*

*Vô môi năng tự giá*

*Nguyệt hạ nữ nhân kỳ*

*(người đàn bà có đôi mắt hào hoa, lại thêm lông mày như lá liễu là loại trăng hoa đào để....)*

- (iv) Theo trích dẫn từ một quyển tướng số [18]:

*Vĩnh Lạc là hoàng đế đời nhà Minh có lần mời tướng sư Viên Liễu Trang vào để đàm thoại về Tướng học. Hoàng đế Vĩnh Lạc hỏi: "Trong cung của Trẫm không có phi tần nào mặt vuông vắn, Trẫm muốn tìm một khuôn mặt như thế để lấy làm vợ, ngài nghĩ sao?"*

*Viên Liễu Trang trả lời: "Đàn bà sang quý ở **mi, vai, lưng và mắt**, đường con cái ở bụng, vú và rốn. Mặt vuông gọi là hổ diện tất phạm vào sát tinh làm sao có thể vào cung để làm quý nhân. Người đàn bà hình thể như con phượng mới thực là đại quý, phương thì mặt tròn dài, mi như cánh cung, mắt nhỏ thuôn dài, nhiều tú khí, cổ tròn dài, vai lưng bằng phẳng đầy đặn. Chân quý ở chỗ đó, nếu không được làm vương phi thì cũng là phu nhân".*

Trong quyển 'Hồ Xuân Hương – thiên tình sử' của Gs Hoàng Xuân Hãn [7], tại chương về truyện thơ lục bát của Trương Thị Ngọc Trong (bà Cung Tân của Chúa Trịnh), ngay ở đoạn đầu mô tả Ý Lan lúc còn ở tuổi dậy thì:

*Hoài thai đã đủ mười trăng  
Đốc sinh một gái xem bằng tiên nga  
Phương phi mây liễu, mặt hoa  
Má đào, môi hạnh, da ngà, lưng ong  
Quyển tư, dao chất lạ lưng  
Thốt cười, muôn tí nghìn hồng nở ra*

Học giả Hoàng đã chú thích đoạn thơ này như sau:

*Mang thai đủ mười tháng; bèn sinh ra một gái trông đẹp như cô tiên.  
Xinh xắn với mây cong, mặt tươi, má hồng, môi thắm, da trắng, thân eo. Thở chất trời  
cho trong sáng khác thường. Khi nói cười, nét mặt trông tươi như muôn nghìn đóa  
hoa màu sắc cùng nở.*

Qua các trích dẫn này ta nhận thấy:

- Lông mày, xuất phát từ tướng số, đã từng là một đặc điểm ‘ắt có’ trong việc thẩm định và mô tả nét đẹp và phú quý của người nữ.
- Chú ý đến lông mày có lẽ dính liền đến đôi mắt. Loài người, Đông cũng như Tây, dùng cặp mắt để phát biểu cảm xúc, tình cảm, giận dữ, chán chường, hi vọng ái ô: ‘Đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn’.
- Ở Trung hoa cũng như ở nước Nam, lúc mô tả vẻ đẹp phụ nữ, nhất là vào thời xưa, luôn luôn ta thấy người ta đề cập đến MI, tiếng Hán mang nghĩa lông mày. Nga-my theo tự điển Đào Duy Anh: ‘*Râu con ngài (một thứ râu hình như con bướm mà to hơn, râu nó nhỏ và dài như tơ) – Nghĩa bóng: Lông mày con gái đẹp như râu con ngài. Nga-my nguyệt: Mặt trăng non hình như râu con ngài.*’
- Ngày nay, mặc dù có những đặc điểm khác trong phương cách nhận chân sắc đẹp phụ nữ, lông mày vẫn giữ vai trò quan trọng. Bằng chứng có nhiều bà nhiều cô vẫn đi thẩm mỹ viện để được kẻ hoặc xâm lông mày cho được rõ và đậm. DV Tuyết {mc} có nhắc đến Trương Vô Kỵ trong tiểu thuyết kiếm hiệp Ý Thiên Đồ Long Ký của Kim Dung, lúc từ giả võ khí, đã hứa với Triệu Minh y sẽ dành quãng đời còn lại chỉ để hàng ngày kẻ lông mày cho Triệu Minh mà thôi.
- Trong tiếng Việt thuần Nôm, ‘mặt’ thường đi đôi với ‘mày’: mặt mày nở nang / nở mặt nở mày (mang nghĩa: hãnh diện, tươi vui). Trong Kiều: ‘*Nở nang mày mặt mẹ cha*’.

### 5.3 Nét Người

Trở lại với ‘nét người nở nang’ của maestro Phạm Duy. Những luận cứ thiên về Phạm Duy thường nhận ra có cái gì hơi lẩn khuất trong việc kèm ‘nét ngài’ với ‘nở nang’.

Nét ngài, nếu hiểu theo nghĩa lông mày, nga-my, rất khó tự nó được mô tả bằng hình dung từ ‘nở nang’. Thường, như đã thấy trong truyện thơ của Trương phu nhân, hay rất nhiều chỗ trong thi văn Việt, lông mày được mô tả ‘cong’, hay ‘cong như lá liễu’ mới đúng tông. ‘Nét ngài liễu cong’ mới có vẻ đúng điệu.

ND Nam {mc} và Bs Duy có ‘trích ra’ những vế dùng ‘ngài’ trong Kiều:

Khi tả Từ Hải (vế 2167):

*Râu hùm cầm én mày ngài,  
Vai năm tấc rộng thân mười thước cao.*

Để ý nếu muốn tả lông mày, tác giả Kiều đã dùng rõ rệt ‘mày’ và ‘mày có hình giống con ngài (mày ngài)’ chứ hoàn toàn không trực tiếp dùng ‘ngài’ thay cho ‘mày’ như trong ‘nét ngài’.

Một vài vé khác:

Vé 927: Bên thì mấy ả mày ngài

Vé 2273-74: Rỡ mình lạ vé cân đai

Vẫn còn hàm én mày ngài như xưa

Cũng đều chứng tỏ ‘ngài’ vẫn thường được dùng như một ‘hình dung từ’ mô tả lông mày hơn là một từ thay thế luôn cho ‘mày’. Tuy nhiên có một vé khác, cũng dùng ‘nét ngài’ đơn độc không đi với ‘mày’ như ở vé 20 ‘nét ngài nở nang’:

Vé 1213: Khi khoe hạnh, lúc nét ngài

Nếu hiểu ‘khoẻ hạnh’ như khoẻ mắt (NB Nam {mc}) – nét ngài ở vé 1213 bắt buộc phải hiểu như ‘nét lông mày’ mới đối xứng. Thế nhưng, trong truyện thơ Ý Lan của Trương phu nhân, ta thấy:

*Phương phi mày liễu, mặt hoa*

*Má đào, môi hạnh, da ngà, lưng ong*

Và môi được mô tả bằng môi hạnh. Như vậy, ‘khoẻ hạnh’ trong vé 1213, vẫn có thể mang ý nghĩa ‘khoẻ môi’, vành môi, giống hình trái hạnh đào? Nếu như thế ‘nét ngài’ trong vé 1213 có thể mang một nghĩa khác với ‘lông mày’. Và từ đó, phe ‘nét người’ có thể suy diễn: ‘Khi khoe hạnh, lúc nét ngài’ vẫn có thể chứa ‘ngài’ mang nghĩa ‘người’, như trong ‘nét người nở nang’.

NV Ưu {mc} - gốc kỹ sư giống như đa số các bằng hữu khác trên diễn đàn mitchong, nêu lên một khía cạnh khác, nhắm vào tính không xuôi tai, không đồng thuận giữa ‘nét ngài’ với ‘nở nang’. Cũng giống giống với nhận xét của anh TQ Dương phía trên, NV Ưu đưa ra nhận xét ‘nét ngài’ chỉ một sự vật thuộc không gian 1-Chiều, thí dụ như sợi chỉ, một đường thẳng. Trong khi ‘nở nang’ là một hình dung từ thường dùng để mô tả trạng thái nở nang của một sự vật thuộc không gian 3-Chiều, như chiếc bong bóng, chiếc thùng phi, hoặc ... thân con người. Do đó ‘nét người nở nang’ có vẻ hợp với môn... hình học không gian hơn! Ngoài ra, người Việt trong lúc nói chuyện thông thường về một bạn gái của con cháu trong nhà, ưa nói: ‘Con nhỏ đó có nét lắm’. *Nét* ở đây liên quan đến nét người nói chung chung, hay nét mặt đẹp. ‘Nét’ có thể chỉ sự vật 1-Chiều đến 3-chiều. Nhưng ‘nét ngài’ có lẽ bị giới hạn ở không gian 1-chiều mà thôi.

Anh NL Bình {mc} từ California, cũng thấy chuyện đem hình học không gian vào Kiều có chút ít cơ sở luận lý, và đề nghị nếu xem ‘nét ngài’ như thuộc không gian hai chiều, thì ‘nét ngài nở nang’ có chỗ đứng hay không. Hoặc giả có thể nào tác giả Kiều đã dùng những từ như ‘vóc dáng’ để tả nở nang hay không? Một nô-m-na gia khác góp ý chưa thấy ấn bản nào viết: ‘Khuôn trắng đầy đặn *dáng* ngài nở nang’ hết và chữ Nôm của ‘dáng’ hay ‘vóc’, được viết khác xa với ‘nét’. Hơn nữa ‘dáng người’ xem ra có vẻ một thứ từ rất tân, nhiều khi có thể ra đời trong khoảng thế kỷ 20. ‘Vóc dáng’ thời xưa có lẽ chính là ‘tư phong’ như trong bản của Duy Minh Thị. Điểm này cũng một điểm ít người chú tâm đến. Những ai từng hành nghề thông dịch viên đều có thể xác nhận khi phiên dịch hầu như bất cứ văn bản nào từ tiếng Anh, người dịch thường hay gặp phải những từ không có tương đương trong tiếng Việt. Hoặc có thể, có một từ cũ tra ở tự điển ra nhưng không hoàn toàn thích hợp với từ tiếng Anh trong hoàn cảnh

mới, trong hoà hợp với ý chính của bản văn. Thí dụ hình dung từ ‘cool’ (với nghĩa nguyên thủy: mát mẻ) ở tiếng Anh trong vài mươi năm nay dùng để chỉ một cái gì ‘tốt đẹp’, hay ho, ‘hết xẩy’, hoặc rất ‘tuyệt chiêu’! Thế hệ babyboom của những người sinh ra đời rầm rộ sau thế chiến thứ hai, dịch ra làm sao, ngoài cách phải tự ... sáng tác ra từ mới, như thế hệ ‘sinh sung’ chẳng hạn. Impeachment tổng thống Hoa Kỳ dịch ra ‘đàn hặc’ có êm không? Người ta biết chắc chắn lúc quốc ngữ được phát triển, cũng là lúc xã hội Việt giao tác âm âm với văn minh phương Tây. Và do đó, những người góp công vào việc phát triển quốc ngữ - từ nhóm Petrus Ký, đến Đông Kinh Nghĩa Thục rồi Nam Phong, và về sau Tự Lực Văn Đoàn - chắc chắn đã **phải** sáng tác rất nhiều từ, nhiều lối nói, dựa vào kiến thức Hán Nôm và Tây học, cho những sự vật, ý niệm mới từ phương Tây, như xe hơi (ô-tô), xe máy (xe đạp), tự do, dân chủ, v.v.

NV Iu {mc} từ Sydney, nhắc lại quan niệm đẹp ngay ở phương Tây cũng biến đổi rất nhiều trong vòng 50 năm qua. Thời Greta Garbo, người ta chú ý đến khuôn mặt, đến mắt, đến mí mắt đến lông mày hơn bộ ngực và những bộ phận cơ thể khác. Đến lúc Marilyn Monroe, ‘ngài’ ta bắt đầu để ý đến bộ ngực, mông, eo, và cặp chân. Cyd Charise lại cho biết cái lưng đẹp cũng đáng đồng tiền. Phim nào của Angie Dickinson khán giả cũng đều được dịp ngắm nghía cặp chân đẹp của tài tử ấy. Jennifer Lopez (J. Lo) nghe nói đã bảo hiểm cặp giò đến 1 tỷ đô la. Đến thời Twiggy (khoảng 1965) rồi kéo đến Ally McBeal, Lara Flynn Boyle (hiện đại) người ta thấy gầy ốm cũng đẹp và hấp dẫn như thường. Và đến thời hiện đại, nét đẹp thường đi đôi với phát triển của ngành giải phẫu thẩm mỹ, đặc biệt tập trung vào đôi mắt, lông mày, làn da, sóng mũi, bộ ngực, và đôi môi (bơm). Y như Phạm Duy đã nhận xét, nét đẹp người xưa, không đến nỗi xưa như Dương Quý Phi mà ngay ở thời Marilyn Monroe, thông thường không khát khe chuyện thân thể không được thon thả. Có da có thịt cũng tốt thôi, nhưng đừng quá mập là được rồi. Đối với xã hội Á Đông xưa cũ, anh NL Bình góp ý, người đàn bà phải có da có thịt mới đẹp, bởi như vậy mới có sức khoẻ sinh con đẻ cái, tiếp nối dòng giống cho phu quân.

Tuy nhiên, những tán mạn về nét đẹp của người phụ nữ, tiếp tay cho Phạm Duy như trên vẫn không đánh thẳng được vào vấn đề mấu chốt:

Nét *ngài* nở nang / Nét *người* nở nang: Cả hai lối mô tả, đều có cái gì lẩn cán. Nhất là khi đi theo: *Khuôn trắng đầy đặn*. Mặc dù rằng ta chấp nhận Ngài có thể được viết trong một bản xưa cũ nào đó như Ngài mang nghĩa Người.

## 6. Mua vui cũng được một vài trống canh

Như đã trình bày phía trên, phân tích một đoạn hay một câu, một vế của truyện Kiều với nhiệm vụ lý giải rất khó đi đến sự thật. Bởi thật ra chỉ có một sự thật duy nhất: tất cả những bản Kiều người ta biết đến đều là những bản ghi lại theo trí nhớ của ... truyền khẩu dân gian. Những bản-ghi-lại đó được thực hiện sau những năm tiếng nói và chữ viết của người nước Nam được biến chuyển thay đổi dữ dội [19]. Do đó, mục đích của bài này không bao giờ có một tham vọng nào khác hơn việc ‘mua vui cũng được một vài trống canh’ hay mua vui cũng được một hai tách cà phê espresso, mà thôi.

Trước khi đi đến việc cố gắng giải toả vấn đề xin tóm tắt những điểm khó khăn và các lẩn cán trong việc chấp nhận ‘nét ngài’ hoặc ‘nét người’.

(i) Nếu chấp nhận ‘nét ngài’

- *Nét ngài nở nang* vẫn nghe hơi kỳ kỳ, lông mày làm sao nở nang được. Ngay đến khi giận dữ, trừ những người như Trương Phi, ít khi lông mày bị dựng ngược, nở nang được!
- So với những vế như: ‘*Râu hùm hàm én mày ngài*’ ta thấy ‘ngài’ đơn thuần một hình dung từ cho ‘lông mày’: Mày trông giống râu con ngài cong cong. ‘Ngài’ viết chung với ‘mày’. Trong ‘*Nét ngài nở nang*’, ngài lại đứng solo, đứng chống một mình. Có cái gì là lạ.
- Nhưng ‘nét ngài’ là một lối viết rất quen thuộc và trong hầu hết các bản chữ Nôm NGÀI được viết với ‘con trùng’ ngẫu nhiên phía bên, chúng tỏ đó là ‘con tằm’, là con nhộng, chứ không phải NGƯỜI. Mặc dù hai âm Người và Ngài thật ra chỉ một (Ngài) trong thời chữ Nôm.
- Nét lông mày là một trong những mô tả chính khi đề cập đến sắc đẹp của người nữ thời xưa. Nên ‘*khuôn trăng đầy đặn*’ sánh đôi với ‘*nét ngài nở nang*’ / *nét ngài*= *râu con ngài*= *nga-my*, hoàn toàn hợp nghĩa hợp lý.

(ii) Nếu chấp nhận ‘nét người’

- Qua dẫn chứng phía trên, người An Nam ngày xưa phát âm ‘Ngài’ khi muốn nói ‘Người’ bởi trước thời quốc ngữ hoàn toàn thay thế chữ Nôm, từ ‘Người’ theo âm đọc ngày nay, chưa xuất hiện. Do đó trong bản Kiều bất cứ từ nào viết theo quốc ngữ ‘Người’ đều có thể đọc như ‘Ngài’, và những từ ngày nay viết ‘Ngài’ đều có thể đã bị viết sai thành ‘ngài’ với nghĩa con nhộng ong, nghĩa bóng ‘nga-mi’ hay lông mày – trong khi ở nguyên bản có thể tác giả mang hàm ý Người.
- Nếu xem hai bản Nôm trứ danh:  
 Một của Quán Văn Đường (QVĐ): *Khuôn lưng đầy đặn, nét ngài nở nang*  
 Một của Duy Minh Thị (DMT): *Tư phong đầy đặn, nét ngài nở nang*  
 Cả hai đều được đánh giá cao: Bản QVĐ từng được xem ghi lại từ bản Phường, tức gần bản nguyên thủy của Nguyễn Du. Bản DMT đã được học giả Hoàng Xuân Hãn đánh giá gần bản gốc Nguyễn Du nhất.  
 Trong cả hai bản này ‘nét ngài’ chắc hẳn phải được viết như ‘nét người’ mới hợp lý. ‘Khuôn lưng’ đi với ‘nét người’. Hoặc ‘Tư phong’ cũng có thể dùng song song với ‘nét người’ mà không bị chói tai, không bị tương phản ý tứ. (Tư-phong thật ra là chữ dùng để chỉ ‘dáng dấp’ hay ‘vóc dáng’ như thường dùng ngày nay). Do đó:  
 QVĐ: *Khuôn lưng đầy đặn, nét người nở nang*  
 DMT: *Tư phong đầy đặn, nét người nở nang*
- Thế nhưng, nếu thay phần sau vế 20, trong các bản thường gặp: ‘*Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang*’ bằng ‘*nét người nở nang*’ (như Phạm Duy vừa làm) người ta vẫn thấy lỏng chỏng như thường: Thứ nhất, ước mơ của một thiếu nữ đẹp thời xưa khi được thiên hạ chung quanh cho mình đẹp, theo senior Lê Quý như đã đề cập phía trên, không thể đơn thuần ở tiêu chuẩn thân hình... nở nang. Thân hình nở nang để làm gì khi không có nét phú quý, thanh tao của một mệnh phụ phu nhân? Dù rằng nó nở nang, phốt phốt, có da có thịt như Dương Quý Phi. Thứ hai, xem qua nhiều thi ca cùng thời, ta không thể hoặc rất khó tìm ra một áng thi văn khác mô tả thân thể hay toàn thân hình một phụ nữ đẹp. Với phụ nữ quá lắm người ta chỉ mô tả đến... lưng ong. Với nam nhi, thường người ta đề cập đến những nét oai vệ, ‘*ngươi hùng*’ của con nhà tướng, hoặc nét thư sinh của những bậc quân tử đại nho. Thứ ba, theo rất nhiều ‘*ngài*’ thuộc diễn đàn mitchong, ‘nét người ... nở nang’ nghe không được thanh tao, chái chuốt, lai láng hồn thơ cho mấy. Như vậy ‘*nét người nở nang*’ rất khó có chỗ đứng trong một bản Kiều ô-rigin, hay bất cứ bản nào bắt đầu vế 20 bằng: ‘*Khuôn trăng đầy đặn ...*’.

(iii) Khuôn trắng đầy đặn, nét ngài nở nang

Việc gì có loanh quanh thế mấy cũng phải đi đến một chung cuộc. Đến đây ta có thể tạm chấp nhận ‘*nét người nở nang*’ thay vào phần sau vế 20 của các bản Duy Minh Thị và Quán Vân Đường mang rất nhiều điểm lô-gích khả tín, tuy không được hoàn toàn thanh tao, hồn thơ lai láng cho lắm. Nhưng ta thấy ‘*Khuôn trắng đầy đặn ‘nét ngài/ nét người’ nở nang*’ vẫn còn một vài điểm lẩn cấn cần được giải tỏa.

Bây giờ xin xem kỹ vế sau đây ở phần cuối truyện Kiều:

*Nở nang mày mặt rõ ràng mẹ cha*

Hoặc:

*Nghe tin nở mặt nở mày*

Ta thấy rõ, ‘Nở nang’ đi với ‘mặt mày’. Y như cách nói ngày nay. Khi cha mẹ hãnh diện vì con cái thành đạt: Cha mẹ nở mày nở mặt. Khi người vợ vừa mới được lên chức, vai vế ở trên người chồng: Cả hai vợ chồng đều hớn hờ, mặt mày nở nang. ‘Nở nang’ ít ra ở thời xưa, là một thứ ‘thuận thanh tương ý’ với cụm từ ‘mặt mày’. Vấn đề ta có thể thấy thật ra chỉ một loại ‘collocation’ như anh TQ Dương {mc} đã đề cập phía trên qua ví dụ ‘strong wind gió mạnh và heavy rain mưa nặng hạt’.

Nếu thử nhờ một người nào đó ở thế kỷ 21 viết một đoạn văn xuôi mô tả vẻ đẹp Thúy Vân theo kiểu ‘thời bây giờ’, có thể sẽ viết theo kiểu sau:

*Thúy Vân xem ra mang rất nhiều nét đoan trang và quý trọng, tuyệt vời. Có lẽ giống như nét của Audrey Hepburn. Chỉ có điều cô ấy có khuôn mặt tròn hơn Audrey Hepburn một chút, giống như vành trăng tròn, đầy đặn, và có vẻ gần với Kate Winslet hay Gong Li hơn. Không phải chỉ ở sắc đẹp, nếu xem theo quý tướng, Thúy Vân không sót chút nào: Ngoài khuôn mặt tròn phúc hậu, lông mày cô ấy cong cong trông đẹp như râu tơ con ngài, theo kiểu Greta Garbo hay Margaux Hemingway. Và quan trọng hơn hết, mặt mày của cô ấy lúc nào cũng nở nang, và tươi thắm.*

Nếu chấp nhận đoạn văn xuôi tân thời cải biến như trên ta thấy gì?

- Ta sẽ thấy: *Khuôn trắng đầy đặn* vừa tả khuôn MẶT đầy đặn như vành trăng tròn / nhưng không cần dùng chữ MẶT vì ... thiếu thốn chỗ trong một câu lục bát chỉ chứa 8 từ, mà lại dùng lối ẩn dụ bằng *Khuôn trắng*.
- Ta cũng thấy ngay: *Nét ngài nở nang* vừa tả lông MÀY có nét đẹp giống như râu con ngài, mà hoàn toàn không cần dùng đến chữ MÀY hay LÔNG MÀY.
- Hình dung từ *NỞ NANG* ở sau cùng chính là một hình dung từ **chung cho hai chủ từ MẶT và MÀY** hoàn toàn ẩn bóng trong toàn vế tuyệt diệu, chỉ có 8 từ đó: MẶT MÀY NỞ NANG như tiếng Nôm tiếng Việt từ ngàn đời vẫn thường sử dụng.

Nói một cách khác, nếu chỉ lược ý chính:

Khuôn trắng đầy đặn= MẶT

Nét ngài= MÀY

nở nang= NỞ NANG

Nguyên vế đó mang ý chính: *Mặt mày nở nang*.

Và kèm theo mô tả theo lối ẩn dụ, mặt đẹp thế nào và mày đẹp làm sao.



Thật tuyệt vời. Bởi Kiều là một áng văn do thi hào số 1 của nước Nam sáng tác nó phải thật cô đọng và súc tích kèm theo ý thơ lai láng. Chỉ 1 vế 8 từ Nguyễn Du đã gói ghém vào đó những gì một người viết văn xuôi phải viết tương đương với ít lắm ba bốn hàng chữ trên giấy A4, như thí dụ ở trên. Quan trọng hơn hết, Tiên Điền đã không dùng đến MẶT MÀY mà vẫn tả được, qua lối ẩn dụ, những điểm ‘đặc trưng’ đẹp đẽ của Mặt và Mày. Và ai cũng hiểu được, về đó chuyên về Mặt và Mày. Khéo léo ở chỗ dùng những gì người xưa thường ví với Mặt / Mày (Trăng / Ngài) để mô tả Mặt Mày, nhưng lại khỏi phải dùng đến Mặt Mày, choán chỗ vô ích. Ta cũng để ý: ‘Khuôn’ trong ‘khuôn trăng’ gọi lên ‘Khuôn mặt’. ‘Trăng’ thế chỗ mặt, và hàm ý mặt tròn như trăng tròn. ‘Nét’ trong ‘nét ngài’ gợi ý ‘nét mày’ bởi ‘ngài’ thường được ví với ‘mày’. Lòng mày đẹp như râu con ngài. ‘Nở nang’ đi đôi với cả Mặt lẫn Mày, chứ không phải chỉ có ‘nét ngài’ mà thôi.

Như vậy *Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang* rất khó sửa lại thành *Khuôn trăng đầy đặn, nét người nở nang* bởi những lý do chính sau đây:

- ‘Nở nang’ vào thời đó chỉ ưa đi kèm với ‘mặt mày’, chưa biết đi kèm với ‘thân thể’, với ‘nét người’.
- Nguyên vế 20 mang một nghĩa chính: *Mặt mày nở nang*. Rút ‘mày’ ra và thay thế bằng ‘người’ sẽ làm ‘khuôn mặt’ bị bẽ bàng: Mặt và thân người => nở nang?
- Lối dùng ‘nét người’ là một lối dùng mới đây thôi. Ngay cả ‘dáng người’ cũng có vẻ mới. Ngày trước, hình như chỉ có ‘tư phong’ để chỉ ‘dáng người, nét người’ như trong bản Duy Minh Thị.

## 7. Đôi lời kết

Câu chuyện mua vui cũng được vài tách cappuccino này bắt nguồn từ việc nhạc sĩ Phạm Duy, qua những tư duy sẵn có và lý luận của ông, đã thay đổi ‘Ngài’ ra ‘Người’ trong vế 20 của truyện Kiều bất hủ của thi hào Tiên Điền Nguyễn Du.

Qua trên 20 trang giấy, 20 tài liệu tra cứu, và góp ý của khoảng 10 chuyên gia thuộc các ngành nghề khác nhau, trong đó có một hai vị chuyên về ngôn ngữ học, Kiều học, và Nôm-na học, qua môi trường thời thượng internet, chúng ta rất may mắn đi đến một vài nhận xét có thể tạm kết thúc bài này như sau:

- Như đã trình bày, việc lý giải phân tích các từ các vế của truyện Kiều, để xem thứ nào chính Tiên Điền đã viết, hoặc nhạc sĩ lão thành Phạm Duy có đúng không khi ông thay thế ‘Ngài’ ở vế 20 – hoàn toàn công chuyện đội đá vá trời. Bởi ngay từ thời xa xưa, chưa bao giờ có ai xem được bản di cảo gốc của Nguyễn Du. Và cũng bởi những bản Nôm, bản quốc ngữ của truyện Kiều đều xuất phát từ những bản ghi lại, thu thập được qua truyền khẩu dân gian, năm bảy chục năm sau khi Nguyễn Du qua đời.
- Trong khoảng thời gian từ lúc Nguyễn Du trước tác truyện Kiều theo thể lục bát đặc trưng của dân Việt, đến lúc những bản truyện Kiều ra đời, tiếng nói và chữ viết của người nước Nam biến chuyển dữ dội. Chữ Nôm thoái lui và nhường chỗ cho quốc ngữ.
- Việc thay NGÀI bằng NGƯỜI ở vế 20, do nhạc sĩ Phạm Duy ‘đề xuất’, bắt đầu có cơ sở khá vững chắc khi chứng minh được ngày trước ở nước An Nam, người ta phát âm và dùng NGÀI để chỉ ‘người’, người ta, con người.

- (iv) Quan sát kỹ qua nhiều khía cạnh, ta thấy NGƯỜI có thể chen chân vào vé 20 của các bản Duy Minh Thị và Quán Văn Đường, mà không va chạm nhiều đến lô-gích và toàn ý của vé.
- (v) Nhưng *Người* rất khó thay thế *Ngài* ở bất kỳ bản nào có vé 20 bắt đầu bằng: ‘*Khuôn trắng đầy đặn*’ bởi *Ngài* ở vé đó viết như NÉT NGÀI là một điều kiện ắt có và đủ cho vé đó mang ‘klon’ nghĩa ‘*Mặt mày nở nang*’.

Trong lúc viết bài này, một số điểm lỏng chỏng khác trong tiếng Việt, cũng được tình cờ phát hiện. Đó là những cách nói, cách phát âm không phù hợp với quy luật đánh vần, từ lâu vẫn thường dễ nhầm với phương ngữ hay cách phát âm địa phương. Rất nhiều cách phát âm lầm tưởng địa phương đó, được quy lại ở lối phát âm xưa cũ tại môi trường tiếng Nôm trên toàn cõi nước An Nam trước đầu thế kỷ 19.

Viết tức là học. Điều đó, học giả Nguyễn Hiến Lê đã ghi nhận từ lâu.

Trung tuần tháng 10/ 2003

N.N.

## GHI CHÚ

1. Nguyễn Văn Trung (1990) Vụ Án Truyện Kiều. Nxb Xuân Thu tái bản
2. Lê Nguyễn Lưu (2002) Từ Chữ Hán đến Chữ Nôm. Nxb Thuận Hoá
3. Trần Trí Dõi (2001) Ngôn ngữ và sự phát triển Văn Hoá Xã Hội. Nxb Văn Hoá Thông Tin
4. Nguyễn Tài Cẩn (1997) Giáo trình Lịch Sử Ngữ Âm Tiếng Việt. Nxb Giáo Dục.
5. Vũ Văn Kính (2002) Đại Tự Điển Chữ Nôm. Nhà Xuất Bản Văn Nghệ TP.
6. Nguyễn Văn Trung (1990) Lược Khảo Văn Học. Quyển 3: Nghiên Cứu và Phê Bình Văn Học. Nxb Xuân Thu
7. Hoàng Xuân Hãn (2002) Hồ Xuân Hương - thiên tình sử. Nxb Văn Học.
8. Huỳnh Ái Tông (2003) Nguồn gốc chữ quốc ngữ: Báo mạng Đời Ty Nạn: <http://doitynan.com/bienkhao.pdf/vanhoa/nguonngocchuquocngu.pdf>
9. Website Văn Học Việt Nam: <http://www.vhvn.com/Kieu/khaodi-tk.html> trình bày bản chữ Nôm do Vũ Văn Kính soạn lục và Bùi Hữu Sùng nhuận chính, tổng hợp từ các bản của Kiều Oánh Mậu, Duy Minh Thị và Quán Văn Đường, và bản quốc ngữ của Nguyễn Quảng Tuân.
10. Nguyễn Văn Khang (chủ biên), Bùi Chi - Hoàng Văn Hành (2002) Từ điển Mường-Việt. Nxb Văn Hoá Dân Tộc
11. Nguyên Nguyên (2003) Từ Vương Vũ đến Vương Thuý Kiều: Vài bí mật của chữ Nôm và quốc ngữ. Trên mạng: [www.aihuucongchanh.com](http://www.aihuucongchanh.com) hoặc <http://perso.wanadoo.fr/charite> hay <http://www.thuvienvietnam.com>
12. Đào Duy Anh (1973) Chữ Nôm: Nguồn Gốc - Cấu Tạo - Diễn Biến. Nxb Đông Nam Á.
13. Đỗ Quang Vinh (2000) Tiếng Việt Tuyệt Vời. (In lần thứ hai – tác giả xuất bản). Địa chỉ: [www.geocities.com/doquangvinhvenguan](http://www.geocities.com/doquangvinhvenguan)
14. Lê Hữu Mục, Phạm Thị Nhung, Đặng Quốc Cơ (1998) Truyện Kiều và Tuổi Trẻ. Nxb Làng Văn.
15. Thí dụ về tiếng Mường thay đổi trong thế kỷ 20 vì bị Latinh hoá: Vợ (wife) ngày trước Nôm đọc Bợ, bởi theo tự điển, Vợ= Nữ + Bị (âm B). Mường đọc ‘Bơ’ theo tài liệu xuất bản năm 1904, trích dẫn trong quyển ‘Tiếng Việt Tuyệt Vời’ [13]: Bơ nã mê ti lê ksuá tể nã lấp ksông= Vợ nó mới đi lấy đá để nó lấp sông. Thế nhưng

- qua 1 thế kỷ giao tác với người Việt trong môi trường quốc ngữ, người Mường biến đổi lối đọc nhiều từ xưa bắt đầu bằng B theo kiểu người Việt thành ra V. Tự điển Mường [10] xuất bản năm 2002 ghi tiếng Mường: Vơ = Vợ, tiếng Việt.
16. Bản Kiề Nôm và quốc ngữ do Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim soạn có đăng trên báo mạng Charité: <http://perso.wanadoo.fr/charite>
  17. Theo trình bày phía trên: *Vời* trong thời chữ Nôm được viết theo Nôm như VÀI. Đó cũng một thứ biến đổi từ A sang âm ƯỚ hay O. ‘Tuyệt vài’ hợp niêm vận với ‘nét ngài’ phía về sau.
  18. Trang mạng của Bs Hồ Đắc Duy: <http://www.angelfire.com/ks/hodacduy>
  19. Chữ quốc ngữ hoàn toàn phát triển sau khi Nguyễn Du qua đời (1820). Đánh dấu bằng: quyền tự điển Latin-Annam & Annam-Latin của Taberd xuất bản năm 1838, và Gia Định Báo của nhóm Petrus Ký năm 1965. Trong quyền tự điển Taberd, âm BL, KL, TL hoàn toàn bị biến mất: Blơ=> trờ / tlei => trảy / mlòy=>lời {ghi chú [8] phía trên}.
  20. Vũ Tài Lục: ‘Người đàn bà trong Tướng Mệnh Học’. Nxb Ngân Hà Thư Xã
  21. Nguyễn Nguyên (2003) Năm Mùi thử tìm hiểu âm chữ D và Dz. Xem các mạng [www.aihuucongchanh.com](http://www.aihuucongchanh.com) hoặc <http://perso.wanadoo.fr/charite> hay <http://www.thuvienvietnam.com>